

Bản tin

# THỊ TRƯỜNG NÔNG, LÂM, THỦY SẢN

**BỘ CÔNG THƯƠNG**

Số ra ngày 20/8/2021



# BẢN TIN THỊ TRƯỜNG NÔNG, LÂM, THỦY SẢN

## ĐƠN VỊ THỰC HIỆN:

Cục Xuất nhập khẩu,  
Bộ Công Thương  
Tel: 024.22205440;  
Email:  
linhntm@moit.gov.vn;  
huyenngt@moit.gov.vn;

- Trung tâm Thông tin  
Công nghiệp và Thương mại,  
Bộ Công Thương  
Tel: 024.22192875;

Email:  
tuoanhbta@gmail.com;  
Mọi ý kiến đóng góp xin liên hệ  
số điện thoại và email trên

Giấy phép xuất bản số:  
57/GP-XBBT ngày 11/8/2020

TÌNH HÌNH CHUNG	3
THỊ TRƯỜNG CAO SU	5
THỊ TRƯỜNG CÀ PHÊ	11
THỊ TRƯỜNG HẠT ĐIỀU	17
THỊ TRƯỜNG RAU QUẢ	21
THỊ TRƯỜNG SẴN VÀ SẢN PHẨM TỪ SẴN	25
THỊ TRƯỜNG THỦY SẢN	29
THỊ TRƯỜNG GỖ VÀ SẢN PHẨM GỖ	34
THÔNG TIN CHÍNH SÁCH/CHUYÊN ĐỀ	38

# TÌNH HÌNH CHUNG

---

## THỊ TRƯỜNG THẾ GIỚI

- ◆ Cao su: Trong 10 ngày giữa tháng 8/2021, giá cao su trên các sàn giao dịch châu Á tăng.
- ◆ Cà phê: Giữa tháng 8/2021, giá cà phê thế giới tăng trở lại trước thông tin thời tiết tại miền Nam Bra-xin khô hạn và tồn kho tại nhiều thị trường tiêu thụ chính giảm.
- ◆ Hạt điều: Nhu cầu tiêu thụ hạt điều toàn cầu được dự báo tăng trưởng bình quân 4,6%/năm trong giai đoạn 2021 – 2026.
- ◆ Rau quả: Trung Quốc cấm nhập khẩu nhãn từ Thái Lan do rệp sáp phá hoại. Trong nửa đầu năm 2021, Trung Quốc xuất khẩu và nhập khẩu trái cây tăng trưởng khả quan so với cùng kỳ năm 2020.
- ◆ Sắn và sản phẩm từ sắn: Trong 20 ngày đầu tháng 8/2021, giá xuất khẩu tinh bột sắn và sắn lát tại Thái Lan có xu hướng giảm so với cuối tháng 7/2021, trong khi giá sắn nguyên liệu trong nước được điều chỉnh tăng.
- ◆ Thủy sản: Nhu cầu cá ngừ đóng hộp toàn cầu trong nửa đầu năm 2021 thấp hơn so với cùng kỳ năm 2020 do lượng tồn kho của các nhà bán lẻ ở mức cao. Giá tôm nguyên liệu tại Ê-cu-a-đo và Ấn Độ ổn định và tăng; giá tôm tại Thái Lan giảm.
- ◆ Gỗ và sản phẩm gỗ: Ngành công nghiệp đồ nội thất của Ma-lai-xi-a đang bị ảnh hưởng nặng nề bởi lệnh giãn cách nhằm ngăn chặn dịch Covid-19 lây lan.





---

## THỊ TRƯỜNG TRONG NƯỚC

♦ Cao su: Giá mủ cao su nguyên liệu trong nước 10 ngày giữa tháng 8/2021 có xu hướng tăng theo giá của thị trường thế giới. Xuất khẩu cao su 15 ngày đầu tháng 8/2021 giảm do ảnh hưởng bởi dịch Covid-19. Thị phần cao su Việt Nam trong tổng lượng nhập khẩu cao su của Hoa Kỳ chiếm 2,3% trong 6 tháng đầu năm 2021, tăng so với mức 1,6% của 6 tháng đầu năm 2020.

♦ Cà phê: Giá cà phê trong nước những ngày giữa tháng 8/2021 tăng theo giá thế giới. Trong 15 ngày đầu tháng 8/2021, xuất khẩu cà phê của Việt Nam giảm do diễn biến phức tạp của dịch Covid-19 tại các tỉnh phía Nam. 6 tháng đầu năm 2021, thị phần cà phê của Việt Nam trong tổng nhập khẩu của Pháp giảm do nước này tăng nhập khẩu cà phê từ hầu hết các thị trường cung cấp chính, trong khi giảm nhập khẩu từ Việt Nam.

♦ Hạt điều: Trong 15 ngày đầu tháng 8/2021, xuất khẩu hạt điều của Việt Nam giảm do tác động của dịch Covid-19. Thị phần hạt điều của Việt Nam trong tổng lượng nhập khẩu của Thụy Sĩ tăng từ 38,58% trong 6 tháng đầu năm 2020, lên 53,16% trong 6 tháng đầu năm 2021.

♦ Rau quả: Kim ngạch xuất khẩu hàng rau quả trong tháng 7/2021 giảm tháng thứ 3 liên tiếp do ảnh hưởng tiêu cực từ làn sóng Covid-19 lần thứ 4. Thị phần quả xoài, ổi, măng

cụt (mã HS 080450) của Việt Nam trong tổng lượng nhập khẩu của EU tăng.

♦ Sắn và sản phẩm từ sắn: Từ đầu tháng 8/2021 đến nay, giá sắn nguyên liệu tại các vùng không có nhiều biến động, nhiều nhà máy sản xuất tại Tây Ninh vẫn ngừng hoạt động. Trong 15 ngày đầu tháng 8/2021, xuất khẩu sắn và các sản phẩm từ sắn tăng so với cùng kỳ năm 2020. 6 tháng đầu năm 2021, thị phần sắn lát và tinh bột sắn của Việt Nam trong tổng nhập khẩu của Trung Quốc giảm so với cùng kỳ năm 2020.

♦ Thủy sản: Xuất khẩu thủy sản của Việt Nam trong nửa đầu tháng 8/2021 đã bị tác động mạnh khi dịch Covid-19 bùng phát mạnh buộc Thành phố Hồ Chí Minh và nhiều tỉnh thành phía Nam phải áp dụng chỉ thị 16. Thị phần thủy sản Việt Nam trong tổng lượng nhập khẩu của Hoa Kỳ tăng từ 7,1% trong 6 tháng đầu năm 2020, lên 8,3% trong 6 tháng đầu năm 2021.

♦ Gỗ và sản phẩm gỗ: Trong 7 tháng đầu năm 2021, kim ngạch xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ đạt 9,58 tỷ USD, tăng 54,8% so với cùng kỳ năm 2020. Trong đó, trị giá xuất khẩu sản phẩm gỗ đạt 7,45 tỷ USD, tăng 64,2% so với cùng kỳ năm 2020. Thị phần đồ nội thất bằng gỗ của Việt Nam tăng trong tổng nhập khẩu của Úc.



# THỊ TRƯỜNG CAO SU

- ▶ Trong 10 ngày giữa tháng 8/2021, giá cao su trên các sàn giao dịch châu Á tăng.
- ▶ Giá mủ cao su nguyên liệu trong nước 10 ngày giữa tháng 8/2021 có xu hướng tăng theo giá của thị trường thế giới.
- ▶ Xuất khẩu cao su 15 ngày đầu tháng 8/2021 giảm do ảnh hưởng bởi dịch Covid-19.
- ▶ Thị phần cao su Việt Nam trong tổng lượng nhập khẩu cao su của Hoa Kỳ chiếm 2,3% trong 6 tháng đầu năm 2021, tăng so với mức 1,6% của 6 tháng đầu năm 2020.



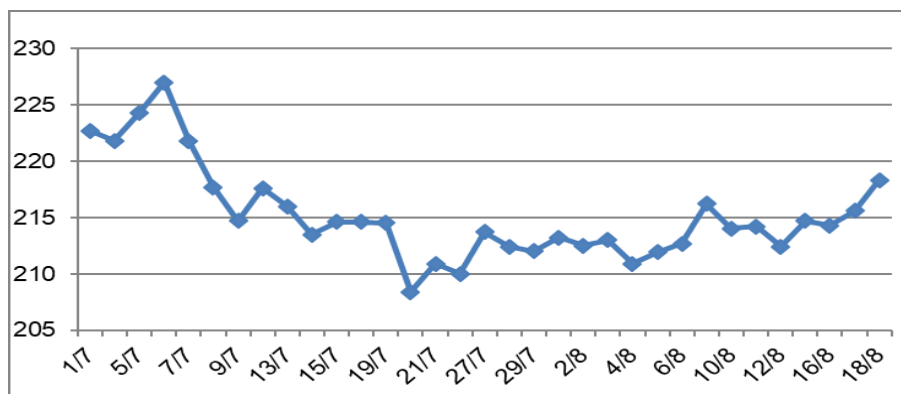
## THỊ TRƯỜNG THẾ GIỚI

Trong 10 ngày giữa tháng 8/2021, giá cao su trên các sàn giao dịch châu Á tăng, cụ thể:

+ Tại Sở giao dịch hàng hóa Osaka (OSE), giá cao su tăng trở lại. Ngày 18/8/2021, giá cao su RSS3 kỳ hạn tháng 9/2021 giao dịch ở mức 218,3 Yên/kg (tương đương 1,99 USD/kg), tăng 1% so với 10 ngày trước đó và tăng 30,3% so với cùng kỳ năm 2020. Giá cao su kỳ hạn tại

Nhật Bản tăng khi hoạt động kinh tế ở một số quốc gia hồi phục, ngay cả khi biến thể Delta lan nhanh khắp thế giới. Tuy nhiên, triển vọng thị trường cao su Nhật Bản không chắc chắn do nền kinh tế nước này phải đối mặt với số ca nhiễm Covid-19 gia tăng, chính phủ Nhật Bản dự kiến sẽ kéo dài tình trạng khẩn cấp ở các khu vực bao gồm Tokyo đến giữa tháng 9/2021, cũng như mở rộng thêm một số khu vực khác.

### Diễn biến giá cao su RSS3 giao kỳ hạn tháng 9/2021 tại sàn Osaka (OSE) từ đầu tháng 7/2021 đến nay (ĐVT: Yên/kg)

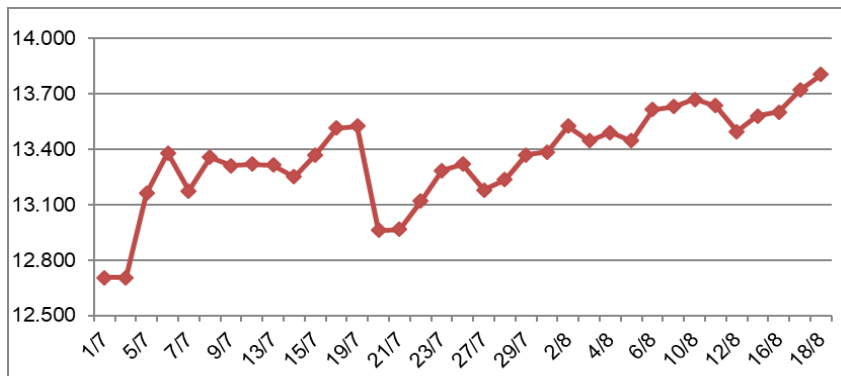


Nguồn: cf.market-info.jp

+ Tại sàn SHFE Thượng Hải, ngày 18/8/2021, giá cao su RSS3 kỳ hạn tháng 9/2021 giao dịch ở mức 13.805 NDT/tấn (tương đương 2,13 USD/tấn), tăng 1,3% so với 10 ngày trước đó và tăng 22,8% so với cùng kỳ năm 2020. Tuần từ ngày 09/8 – 13/8/2021, tồn kho cao su tự nhiên dự

theo chứng từ tại SHFE đạt 181.570 tấn, giảm 240 tấn (tương đương giảm 0,1%) so với tuần trước; số liệu tồn kho theo hợp đồng tương lai đạt 207.064 tấn, tăng 5.914 tấn (tương đương tăng 2,9%) so với tuần trước.

### Diễn biến giá cao su RSS3 giao kỳ hạn tháng 9/2021 tại sàn SHFE từ đầu tháng 7/2021 đến nay (ĐVT: NDT/tấn)

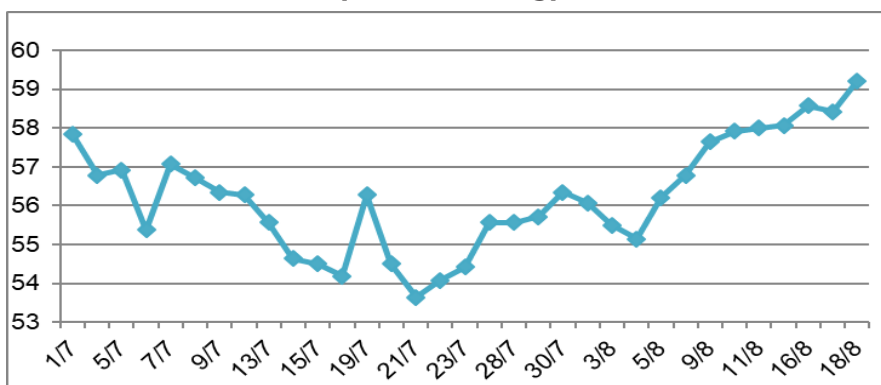


Nguồn: shfe.com.cn

+ Tại Thái Lan, ngày 18/8/2021 giá cao su RSS 3 chào bán ở mức 59,2 Baht/kg (tương đương

1,78 USD/kg), tăng 2,7% so với 10 ngày trước đó và tăng 11,9% so với cùng kỳ năm 2020.

### Diễn biến giá cao su RSS3 tại Thái Lan từ đầu tháng 7/2021 đến nay (ĐVT: Baht/kg)



Nguồn: thainr.com

Giá cao su tăng trong bối cảnh nguồn cung khan hiếm khi số ca nhiễm Covid-19 tại các nước sản xuất chính ở Đông Nam Á tăng cao; nhu cầu cao su tại Trung Quốc, Ấn Độ, Hoa Kỳ và châu Âu cải thiện nhờ kinh tế phục hồi do các biện pháp phong tỏa được nới lỏng.

**- Ma-lai-xi-a:** Sản lượng cao su tự nhiên của Ma-lai-xi-a trong tháng 6/2021 đạt 38,8 nghìn tấn, tăng 37,8% so với tháng 5/2021 và tăng 15,7% so với tháng 6/2020. Quý II/2021, sản lượng cao su tự nhiên của Ma-lai-xi-a đạt 89,98 nghìn tấn, giảm 31,6% so với quý I/2021.

+ Trong khi đó, xuất khẩu cao su của Ma-lai-xi-a trong tháng 6/2021 đạt 48,59 nghìn tấn, tăng 1% so với tháng 5/2021 và tăng 25,9% so với tháng 6/2020, do nhu cầu găng tay cao su tăng mạnh trong bối cảnh đại dịch Covid-19 vẫn chưa kết thúc. Trung Quốc vẫn

là thị trường xuất khẩu cao su lớn nhất của Ma-lai-xi-a, chiếm 53,9% tổng lượng cao su xuất khẩu của Ma-lai-xi-a; tiếp đến là Phần Lan chiếm 7,5%; Hoa Kỳ chiếm 5,7%, Đức chiếm 2,5% và Bra-xin chiếm 2,4%.

+ Trong tháng 6/2021, Ma-lai-xi-a nhập khẩu 84,25 nghìn tấn cao su tự nhiên, giảm 14,5% so với tháng 5/2021, nhưng tăng 46,3% so với tháng 6/2020.

+ Tiêu thụ cao su tự nhiên nội địa của Ma-lai-xi-a trong tháng 6/2021 đạt 34,86 nghìn tấn, giảm 17,6% so với tháng 5/2021 và giảm 21,3% so với tháng 6/2020.

+ Dự trữ cao su tự nhiên tại Ma-lai-xi-a tính đến cuối tháng 6/2021 đạt 242,11 nghìn tấn, giảm 0,02% so với tháng 5/2021 và giảm 4,7% so với cùng kỳ năm 2020.



Hiệp hội các nhà sản xuất găng tay cao su Ma-lai-xi-a dự đoán, tình trạng thiếu găng tay cao su trên toàn cầu sẽ còn kéo dài tới quý I/2022. Các doanh nghiệp sản xuất găng tay y tế lớn trên thế giới cảnh báo tình trạng khan

hiếm sản phẩm có thể xảy ra khi nhu cầu tại châu Âu tăng đột biến. Nhu cầu cao su tự nhiên cho sản xuất găng tay cao su được dự báo tiếp tục tăng tại Ma-lai-xi-a.



## THỊ TRƯỜNG TRONG NƯỚC

Trong 10 ngày giữa tháng 8/2021, giá mủ cao su nguyên liệu trong nước có xu hướng tăng theo giá của thị trường thế giới. Hiện giá thu mua mủ nước tại Bình Phước dao động khoảng 320 - 327 đồng/độ TSC, nhiều hộ nông dân trồng cao su tiểu điền ngưng cạo mủ để

thực hiện giãn cách xã hội theo Chỉ thị 16. Tại Bình Dương, giá thu mua mủ cao su nguyên liệu dao động khoảng 337 - 340 đồng/độ TSC. Tại Đồng Nai, Công ty TNHH MTV Cao su Đồng Nai cũng thông báo điều chỉnh tăng giá thu mua một số mủ cao su tiểu điền, cụ thể:

### Giá thu mua mủ cao su của Công ty TNHH MTV Cao su Đồng Nai

Chủng loại	ĐVT	Ngày 30/6/2021	Ngày 28/7/2021	Ngày 2/8/2021	Ngày 10/8/2021	Ngày 17/8/2021
Mủ cao su nước loại 1	Đ/độ TSC	323	310	315	323	328
Mủ cao su nước loại 2	Đ/độ TSC	316	303	308	316	321
Mủ chén khô	đ/kg	12.100	12.500	12.800	13.300	13.600
Mủ chén vừa	đ/kg	11.100	11.500	11.800	12.300	12.600
Mủ chén ướt	đ/kg	6.600	7.000	7.300	7.800	8.100
Mủ đông khô	đ/kg	9.900	10.300	10.600	11.100	11.400
Mủ đông vừa	đ/kg	8.300	8.700	9.000	9.500	9.800
Mủ đông ướt	đ/kg	5.900	6.300	6.600	7.100	7.400
Mủ dây khô	đ/kg	11.500	11.900	12.200	12.700	13.000
Mủ dây ướt	đ/kg	8.400	8.800	9.100	9.600	9.900
Mủ tận thu	đ/kg	2.000	2.100	2.300	2.600	2.900

Nguồn: Công ty TNHH MTV Cao su Đồng Nai

## TÌNH HÌNH XUẤT KHẨU CAO SU CỦA VIỆT NAM

Theo số liệu thống kê của Tổng cục Hải quan Việt Nam, trong 15 ngày đầu tháng 8/2021, xuất khẩu cao su của Việt Nam đạt 87,34 nghìn tấn, trị giá 143,1 triệu USD, giảm 12,3% về lượng và giảm 13,2% về trị giá so với 15 ngày cuối tháng 7/2021; so với 15 ngày đầu tháng 8/2020 giảm 18,5% về lượng, nhưng tăng 10,2% về trị giá. Lũy kế từ đầu năm đến ngày 15/8/2021, xuất khẩu cao su đạt trên 1 triệu tấn, trị giá 1,68 tỷ USD, tăng 27% về lượng và tăng 66,1% về trị giá so với cùng kỳ năm 2020.

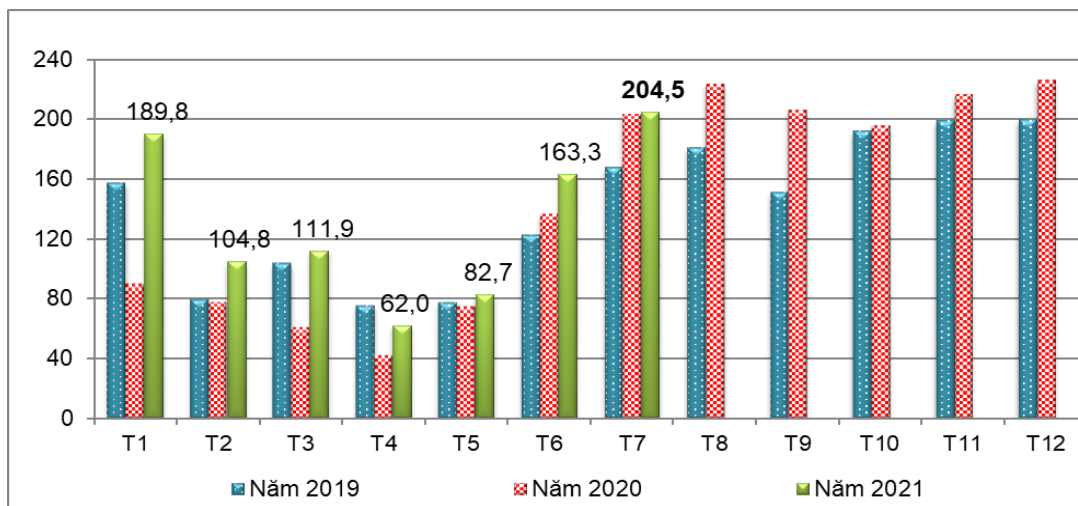
Xuất khẩu cao su đang bị ảnh hưởng bởi nhiều doanh nghiệp phải tạm ngừng sản xuất do nằm trong khu vực phong tỏa, hoặc sản xuất bị ảnh hưởng bởi công nhân nghỉ việc, bị cách ly, sống trong vùng có dịch... Trong khi đó, do ảnh hưởng của dịch Covid-19, tình hình vận chuyển chưa có dấu hiệu được cải thiện, tình trạng thiếu container rỗng sẽ tiếp tục diễn ra. Đồng thời, giá cước vận chuyển cao được dự báo kéo dài sang tận năm 2022, do đó sẽ ảnh hưởng đến xuất khẩu cao su của Việt Nam.

Tuy nhiên, xuất khẩu cao su của Việt Nam sang các thị trường lớn như EU, Trung Quốc, Hoa Kỳ, Ấn Độ dự báo tiếp tục xu hướng tăng nhờ nhu cầu tại các nước này được cải thiện và kinh tế đang dần hồi phục do các biện pháp phong tỏa được nới lỏng.

Tháng 7/2021, xuất khẩu cao su đạt 204,52 nghìn tấn, trị giá 338,2 triệu USD, tăng 25,3%

về lượng và tăng 22,8% về trị giá so với tháng 6/2021; so với tháng 7/2020 tăng 1% về lượng và tăng 38,1% về trị giá. Lũy kế 7 tháng đầu năm 2021, xuất khẩu cao su đạt 918,79 nghìn tấn, trị giá 1,54 tỷ USD, tăng 34,2% về lượng và tăng 74,5% về trị giá so với cùng kỳ năm 2020. Xuất khẩu cao su trong tháng 7/2021 tăng nhờ xuất khẩu sang phần lớn các thị trường đều tăng mạnh.

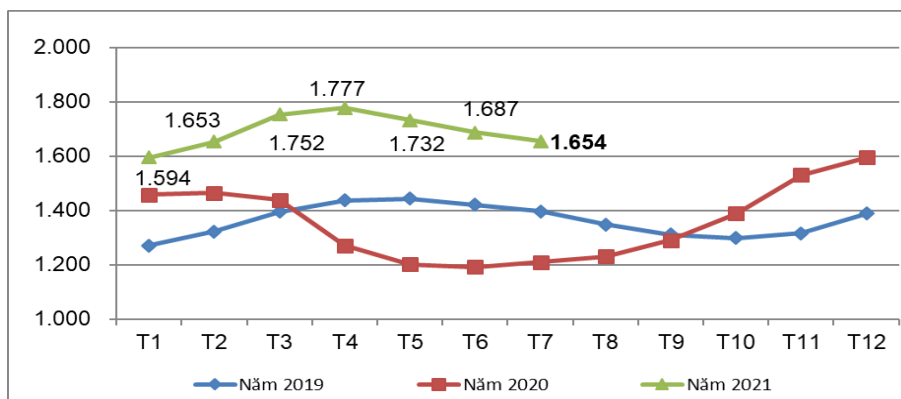
### Xuất khẩu cao su của Việt Nam năm 2019 - 2021 (ĐVT: nghìn tấn)



Nguồn: Theo số liệu của Tổng cục Hải quan Việt Nam

Về giá xuất khẩu: Tháng 7/2021, giá cao su giảm 2% so với tháng 6/2021, nhưng tăng 36,7% xuất khẩu bình quân ở mức 1.654 USD/tấn, so với tháng 7/2020.

### Giá bình quân xuất khẩu cao su của Việt Nam năm 2019 - 2021 (ĐVT: USD/tấn)



Nguồn: Theo số liệu của Tổng cục Hải quan Việt Nam

Tháng 7/2021, Trung Quốc là thị trường tiêu thụ cao su lớn nhất của Việt Nam, chiếm 74,1% tổng lượng cao su xuất khẩu của cả nước, với 151,54 nghìn tấn, trị giá 245,47 triệu USD, tăng 30,8% về lượng và tăng 29,9% về trị giá so với tháng 6/2021; so với tháng 7/2020 giảm 10,6% về lượng, nhưng tăng 20,7% về trị giá. Giá bình quân xuất khẩu cao su sang Trung Quốc ở mức 1.620 USD/tấn, giảm 0,6% so với tháng 6/2021, nhưng tăng 35% so với tháng 7/2020. Lũy kế 7 tháng đầu năm 2021, Việt Nam xuất khẩu sang Trung Quốc 643,16 nghìn tấn cao su, trị giá 1,04 tỷ USD, tăng 26,4% về lượng và tăng 62,8% về trị giá so với cùng kỳ năm 2020.





**10 thị trường xuất khẩu cao su lớn nhất của Việt Nam trong tháng 7  
và 7 tháng đầu năm 2021**

Thị trường	Tháng 7/2021		So với tháng 7/2020 (%)		7 tháng đầu năm 2021		So với 7 tháng năm 2020 (%)	
	Lượng (tấn)	Trị giá (nghìn USD)	Lượng	Trị giá	Lượng (tấn)	Trị giá (nghìn USD)	Lượng	Trị giá
<b>Tổng</b>	<b>204.520</b>	<b>338.201</b>	<b>1,0</b>	<b>38,1</b>	<b>918.791</b>	<b>1.541.527</b>	<b>34,2</b>	<b>74,5</b>
Trung Quốc	151.542	245.471	-10,6	20,7	643.167	1.039.215	26,4	62,8
Ấn Độ	12.374	21.849	92,9	170,7	47.363	85.504	70,6	119,4
Đức	4.697	8.461	198,4	312,2	18.655	35.106	85,9	141,1
Đài Loan	4.436	7.994	62,1	128,7	20.731	38.096	64,1	115,5
Hàn Quốc	4.368	7.734	124,8	195,6	24.861	46.542	60,5	100,1
Hoa Kỳ	3.971	6.711	193,9	300,4	21.887	38.843	90,7	142,8
Thổ Nhĩ Kỳ	2.616	4.475	42,0	91,2	18.230	34.122	54,3	98,9
Xri-Lan-ca	2.330	4.165	180,7	278,7	10.982	21.429	181,5	278,5
Nga	2.029	3.319	101,1	150,2	7.870	14.247	148,5	230,8
Ý	1.884	3.435	116,6	195,9	8.823	16.302	109,2	166,9
Thị trường khác	14.273	24.586	-1,6	38,1	96.222	172.122	27,8	69,8

*Nguồn: Tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan*



**DUNG LƯỢNG THỊ TRƯỜNG NHẬP KHẨU CAO SU HOA KỲ VÀ THỊ PHẦN CỦA VIỆT NAM**

Theo số liệu thống kê của Ủy ban Thương mại Quốc tế Hoa Kỳ, 6 tháng đầu năm 2021, Hoa Kỳ nhập khẩu 912,35 nghìn tấn cao su (mã HS 4001, 4002, 4003, 4005), trị giá 1,81 tỷ USD, tăng 3,6% về lượng và tăng 16,5% về trị giá so với cùng kỳ năm 2020. Trong đó, In-đô-nê-xi-a, Thái Lan, Ca-na-da, Hàn Quốc và Bồ Đào Nha là 5 thị trường cung cấp cao su nhiều nhất cho Hoa Kỳ.

Trong 6 tháng đầu năm 2021, Việt Nam là thị trường cung cấp cao su lớn thứ 11 cho Hoa Kỳ với 21,01 nghìn tấn, trị giá 37,14 triệu USD, tăng 54,4% về lượng và tăng 81,8% về trị giá so với

cùng kỳ năm 2020. Thị phần cao su Việt Nam trong tổng lượng nhập khẩu cao su của Hoa Kỳ chiếm 2,3% trong 6 tháng đầu năm 2021, tăng so với mức 1,6% của 6 tháng đầu năm 2020.

Theo báo cáo của Freedonia Focus Reports, nhu cầu cao su của Hoa Kỳ được dự báo sẽ tăng gần 1,1%/năm cho tới năm 2023, do nhu cầu tăng của các sản phẩm từ cao su. Nhu cầu tăng cùng với biến đổi khí hậu và đứt gãy chuỗi cung ứng do ảnh hưởng của dịch Covid-19 là những vấn đề được ngành cao su và lốp xe cao su Hoa Kỳ quan tâm trong thời điểm hiện nay.

## Các thị trường cung cấp cao su lớn nhất cho Hoa Kỳ trong 6 tháng đầu năm 2021

Thị trường	6 tháng năm 2021			So với cùng kỳ năm 2020 (%)			Tỷ trọng tính theo lượng (%)	
	Lượng (tấn)	Trị giá (nghìn USD)	Giá NK bình quân (USD/tấn)	Lượng	Trị giá	Giá NK bình quân	6 tháng năm 2020	6 tháng năm 2021
<b>Tổng</b>	<b>912.355</b>	<b>1.817.021</b>	<b>1.992</b>	<b>3,6</b>	<b>16,5</b>	<b>12,4</b>	<b>100</b>	<b>100</b>
In-đô-nê-xi-a	252.098	424.705	1.685	-8,3	3,0	12,3	31,2	27,6
Thái Lan	108.915	259.993	2.387	-4	29,7	35,2	12,9	11,9
Ca-na-da	98.410	208.527	2.119	20,8	29,6	7,3	9,3	10,8
Hàn Quốc	46.347	86.437	1.865	5,3	18,7	12,7	5,0	5,1
Bờ Biển Ngà	44.315	74.855	1.689	33,3	53,9	15,4	3,8	4,9
Đức	43.610	106.818	2.449	-1,7	7,7	9,6	5,0	4,8
Nhật Bản	43.342	107.579	2.482	13,7	1,2	-11,0	4,3	4,7
Mê-hi-cô	34.008	75.163	2.210	-5,7	19,3	26,5	4,1	3,7
Pháp	28.156	63.202	2.245	2,6	5,9	3,3	3,1	3,1
Nga	27.319	48.629	1.780	6,6	-3,2	-9,1	2,9	3,0
<b>Việt Nam</b>	<b>21.011</b>	<b>37.139</b>	<b>1.768</b>	<b>54,4</b>	<b>81,8</b>	<b>17,7</b>	<b>1,6</b>	<b>2,3</b>
Thị trường khác	164.823	323.975	1.966	11,3	21,7	9,4	16,8	18,1

Nguồn: Ủy ban Thương mại Quốc tế Hoa Kỳ

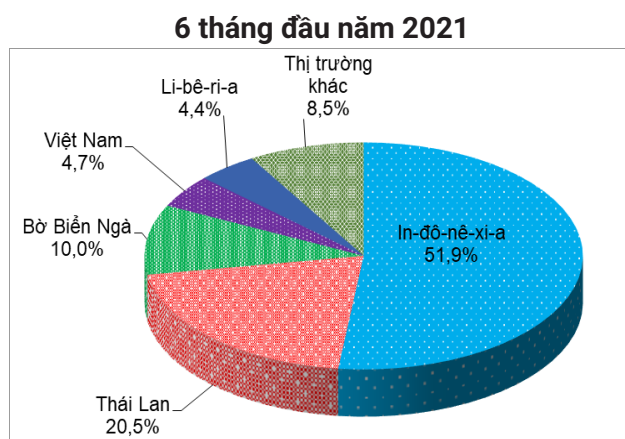
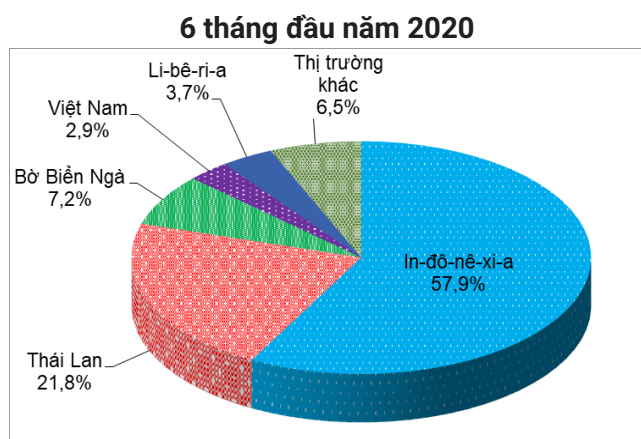
Về chủng loại nhập khẩu:

Trong 6 tháng đầu năm 2021, Hoa Kỳ nhập khẩu 444,95 nghìn tấn cao su tự nhiên (mã HS: 4001), trị giá 789,22 triệu USD, giảm 3,5% về lượng, nhưng tăng 13,6% về trị giá so với cùng kỳ năm 2020. In-đô-nê-xi-a, Thái Lan, Bờ Biển Ngà, Việt Nam và Li-bê-ri-a là 5 thị trường cung cấp cao su tự nhiên nhiều nhất cho Hoa Kỳ trong 6 tháng đầu năm 2021.

Trong 6 tháng đầu năm 2021, Việt Nam là thị trường cung cấp cao su tự nhiên lớn thứ 4 cho Hoa Kỳ, với 20,95 nghìn tấn, trị giá 36,93 triệu USD, tăng 54,2% về lượng và tăng 82,3% về trị giá so với cùng kỳ năm 2020. Thị phần cao su tự nhiên của Việt Nam trong tổng lượng nhập khẩu của Hoa Kỳ chiếm 4,7% trong 6 tháng đầu năm 2021, tăng so với mức 2,9% của 6 tháng đầu năm 2020.

### Cơ cấu thị trường cung cấp cao su tự nhiên (mã HS: 4001) cho Hoa Kỳ

(Tỷ trọng tính theo lượng)



Nguồn: Ủy ban Thương mại Quốc tế Hoa Kỳ

Trong 6 tháng đầu năm 2021, Hoa Kỳ nhập khẩu 333,64 nghìn tấn cao su tổng hợp (mã HS: 4002), trị giá 683,93 triệu USD, tăng 7,9% về lượng và tăng 9,8% về trị giá so với cùng kỳ năm 2020. Hàn Quốc, Nhật Bản, Đức, Mê-hi-cô và Nga là 5 thị trường cung cấp cao su tổng hợp nhiều nhất cho Hoa Kỳ trong 6 tháng đầu năm 2021.

Cơ cấu thị trường cung cấp cao su tổng hợp cho Hoa Kỳ trong 6 tháng đầu năm 2021 có sự thay đổi khi thị phần cao su tổng hợp của Nhật Bản trong tổng nhập khẩu của Hoa Kỳ tăng; trong khi thị phần của Đức, Hàn Quốc, Mê-hi-cô, Nga giảm. Cao su tổng hợp của Việt Nam chỉ chiếm 0,02% trong tổng lượng cao su tổng hợp nhập khẩu vào Hoa Kỳ.



# THỊ TRƯỜNG CÀ PHÊ

- ▶ Giữa tháng 8/2021, giá cà phê thế giới tăng trở lại trước thông tin thời tiết tại miền Nam Bra-xin khô hạn và tồn kho tại nhiều thị trường tiêu thụ chính giảm.
- ▶ Giá cà phê trong nước những ngày giữa tháng 8/2021 tăng theo giá thế giới.
- ▶ Trong 15 ngày đầu tháng 8/2021, xuất khẩu cà phê của Việt Nam giảm do diễn biến phức tạp của dịch Covid-19 tại các tỉnh phía Nam.
- ▶ 6 tháng đầu năm 2021, Pháp tăng nhập khẩu cà phê từ hầu hết các thị trường cung cấp chính, trong khi giảm nhập khẩu từ Việt Nam.



## THỊ TRƯỜNG THẾ GIỚI

Giữa tháng 8/2021, giá cà phê thế giới tăng trở lại. Thông tin thời tiết khô hạn ở miền Nam Bra-xin và khó khăn trong khâu vận chuyển khiến lượng tồn kho tại nhiều thị trường tiêu thụ chính giảm đã tác động làm tăng giá trên thị trường cà phê thế giới.

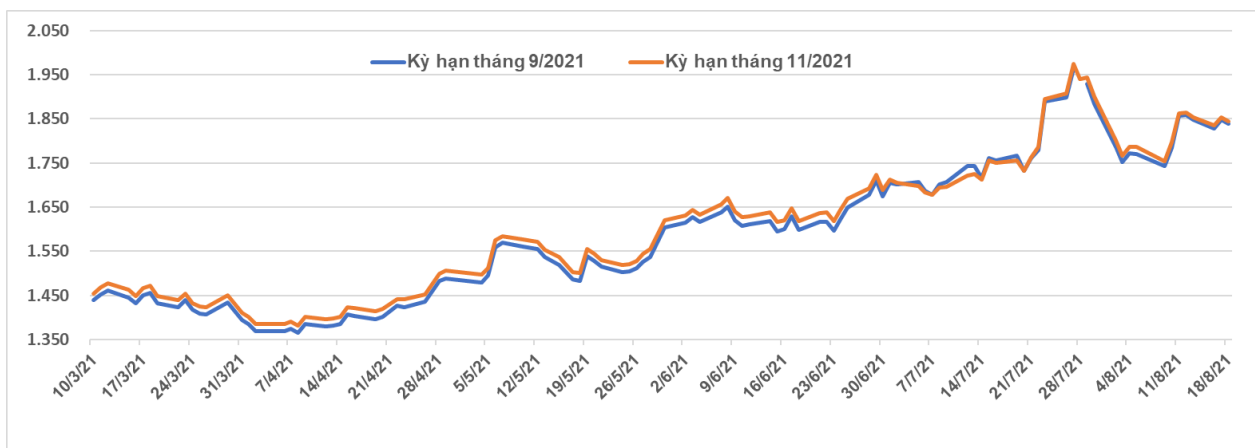
Theo ước tính, Bra-xin đã thu hoạch hơn 89% sản lượng cà phê vụ mới, đạt 50,45 triệu bao, gồm 21,1 triệu bao cà phê Robusta và 29,22 triệu bao cà phê Arabica, chậm hơn so với mức trung bình 5 năm. Như vậy, vụ cà phê Robusta gần như đã hoàn thành, trong khi vụ cà phê Arabica còn khoảng 5,98 triệu bao vẫn đang thu hoạch.

Theo số liệu thống kê của Hội đồng các nhà xuất khẩu cà phê Bra-xin (Cecafe), xuất khẩu cà phê của nước này trong tháng 7/2021 - tháng đầu tiên của niên vụ 2021/2022 - giảm 12,8% so với tháng 7/2020, xuống 2,8 triệu bao. Lũy kế 7 tháng đầu năm nay xuất khẩu đạt 23,737 triệu bao, tăng 2,2% so với 7 tháng đầu năm 2020.

+ Trên sàn giao dịch London, ngày 18/8/2021, giá cà phê giao kỳ hạn tháng 9/2021 và tháng 11/2021 tăng lần lượt 5,5% và 5,2% so với ngày 9/8/2021, lên mức 1.839 USD/tấn và 1.845 USD/tấn; kỳ hạn giao tháng 1/2022 và tháng 3/2022 tăng lần lượt 4,9% và 4,7% so với ngày 9/8/2021, lên mức 1.841 USD/tấn và 1.839 USD/tấn.

### Diễn biến giá cà phê Robusta giao kỳ hạn trên sàn giao dịch London từ tháng 3/2021 đến nay

(ĐVT: USD/tấn)



Nguồn: Sàn giao dịch London

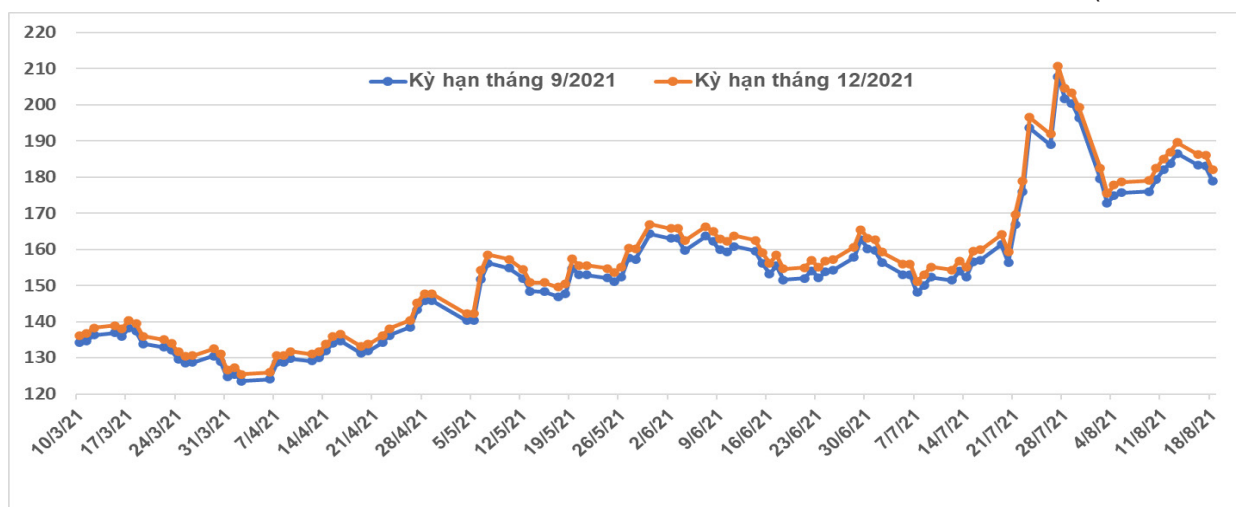


+ Trên sàn giao dịch New York, ngày 18/8/2021, giá cà phê Arabica giao kỳ hạn tháng 9/2021 và tháng 11/2021 tăng lần lượt 1,7% và 1,6% so với ngày 9/8/2021, lên mức 178,95 Uscent/lb và 182

Uscent/lb; kỳ hạn giao tháng 3/2022 và tháng 5/2022 tăng 1,7% và 1,5% so với ngày 9/8/2021, lên mức 184,75 Uscent/lb và 185,7 Uscent/lb.

### Diễn biến giá cà phê Arabica giao kỳ hạn trên sàn giao dịch New York từ tháng 3/2021 đến nay

(ĐVT: Uscent/lb)



Nguồn: Sàn giao dịch New York

+ Trên sàn giao dịch BMF của Bra-xin, ngày 18/8/2021, giá cà phê giao kỳ hạn tháng 9/2021 và tháng 12/2021 tăng lần lượt 0,5% và 1,7% so với ngày 9/8/2021, lên mức 211,8 Uscent/lb và 220,25 Uscent/lb; kỳ hạn giao tháng 3/2022 và tháng 5/2022, giá cà phê Arabica tăng lần lượt 1,4% và 1,7% so với ngày 9/8/2021, lên mức 224,65 Uscent/lb và 223,3 Uscent/lb.

+ Tại cảng khu vực thành phố Hồ Chí Minh, cà phê Robusta xuất khẩu loại 2, tỷ lệ đen vỡ 5% giao dịch ở mức giá 1.896 USD/tấn, chênh lệch +55 USD/tấn, tăng 96 USD/tấn (tương đương mức tăng 5,3%) so với ngày 9/8/2021.

Dự báo đà tăng của giá cà phê toàn cầu sẽ chậm lại. Nguồn cung cà phê Robusta được bổ sung, trong khi thị trường lo ngại nhu cầu tiêu

thụ chậm lại do biến chủng virus mới lây lan khiến nhiều quốc gia phải tái thiết lập các biện pháp giãn cách xã hội mạnh hơn. Bên cạnh đó, thời tiết của Bra-xin được dự báo sẽ thuận lợi từ đầu tháng 9 tới. Điều này sẽ kìm hãm đà tăng giá của mặt hàng cà phê.

Theo Cơ quan Phát triển Cà phê U-gan-đa (UCDA), nước sản xuất cà phê Robusta lớn nhất châu Phi cho biết, xuất khẩu cà phê của nước này trong tháng 7/2021 đạt 700.035 bao, tăng 28,77% so với tháng 7/2020. Trong đó, xuất khẩu cà phê Robusta tăng 41,27%, đạt 660.458 bao; xuất khẩu cà phê Arabica giảm 48%, xuống 39.577 bao. Lũy kế 10 tháng niên vụ 2020/2021, xuất khẩu cà phê của U-gan-đa đạt 5,21 triệu bao, tăng 874.379 bao (tăng 20,17%) so với 10 tháng niên vụ 2019/2020.



## TRONG NƯỚC: GIÁ CÀ PHÊ TĂNG

Những ngày giữa tháng 8/2021, giá cà phê trong nước tăng theo giá thế giới. Ngày 18/8/2021, giá cà phê Robusta tại thị trường nội địa tăng 3,6-3,7% so với ngày 9/8/2021, lên mức 37.600 – 38.000 đồng/kg. Tại cảng khu vực Thành phố Hồ Chí Minh, giá cà phê tăng 2,9% so với ngày 9/8/2021, lên mức 39.200 đồng/kg.

### Giá cà phê tại một số tỉnh/huyện khu vực khảo sát ngày 18/8/2021

Tỉnh/huyện (khu vực khảo sát)	Đơn giá (đồng/kg)	So với ngày 9/8/2021 (%)
<b>Tỉnh Lâm Đồng</b>		
Lâm Hà (Robusta)	36.900	3,7
Bảo Lộc (Robusta)	36.900	3,7
Di Linh (Robusta)	36.800	3,7
<b>Tỉnh Đắk Lắk</b>		
Cư M'gar (Robusta)	38.000	3,5
Ea H'leo (Robusta)	37.800	3,6
Buôn Hồ (Robusta)	37.800	3,6
<b>Tỉnh Gia Lai</b>		
Chư Prông (Robusta)	37.600	3,6
la Grai (Robusta)	37.700	3,6
Pleiku	37.700	3,6
<b>Tỉnh Đắk Nông</b>		
Gia Nghĩa (Robusta)	37.700	3,6
Đắk R'lấp (Robusta)	37.600	3,6
<b>Tỉnh Kon Tum</b>		
Đắk Hà (Robusta)	37.600	3,6
<b>Khu vực Thành phố Hồ Chí Minh</b>		
R1	39.200	2,9

Nguồn: Tintaynguyen.com

## XUẤT KHẨU CÀ PHÊ THÁNG 7/2021 TĂNG

Theo số liệu thống kê từ Tổng cục Hải quan, xuất khẩu cà phê của Việt Nam trong tháng 7/2021 đạt 122,3 nghìn tấn, trị giá 235 triệu USD, giảm 4,5% về lượng và giảm 5,4% về trị giá so với tháng 6/2021, so với tháng 7/2020 tăng 11,2% về lượng và tăng 20,3% về trị giá. Tính chung 7 tháng đầu năm 2021, xuất khẩu cà phê của Việt Nam đạt 965,88 nghìn tấn, trị giá 1,78 tỷ USD, giảm 8,1% về lượng và giảm 0,1% về trị giá so với cùng kỳ năm 2020.

Trong 15 ngày đầu tháng 8/2021, diễn biến phức tạp của dịch Covid – 19 tại các tỉnh phía Nam đã ảnh hưởng đến xuất khẩu cà phê của Việt Nam. Xuất khẩu cà phê giảm 16,7% về lượng và giảm 12,7% về trị giá so với 15 ngày đầu tháng 7/2021, giảm 9,9% về lượng và tương đương về trị giá so với 15 ngày đầu tháng 8/2020, đạt 47,14 nghìn tấn, trị giá 92,89 triệu USD. Lũy kế từ đầu năm đến hết ngày 15/8/2021, xuất khẩu cà phê của Việt Nam đạt 1,01 triệu tấn, trị giá 1,87 tỷ USD, giảm 8,2% về lượng và giảm 0,1% về trị giá so với cùng kỳ năm 2020.

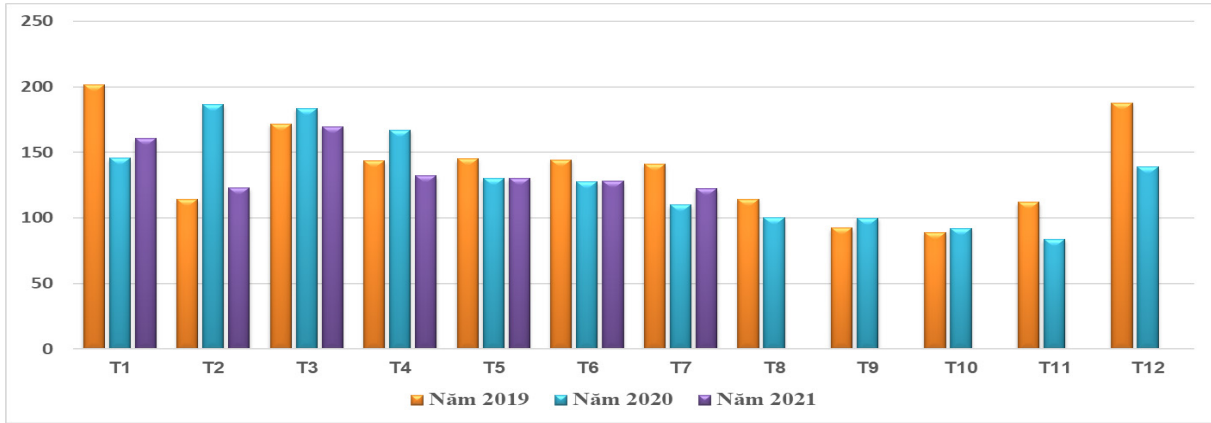
Dự báo xuất khẩu cà phê thời gian tới của



Việt Nam sẽ vẫn chịu ảnh hưởng tiêu cực do làn sóng Covid-19 lần thứ 4 trong nước. Trên thế giới, biến thể virus mới bùng phát cũng khiến sự phục hồi kinh tế thế giới bị ảnh hưởng. Số liệu mới công bố cho thấy, dữ liệu kinh tế Trung Quốc yếu hơn, trong khi tăng trưởng kinh tế Hoa Kỳ không như kỳ vọng.

## Lượng cà phê xuất khẩu qua các tháng giai đoạn 2019 – 2021

(ĐVT: nghìn tấn)



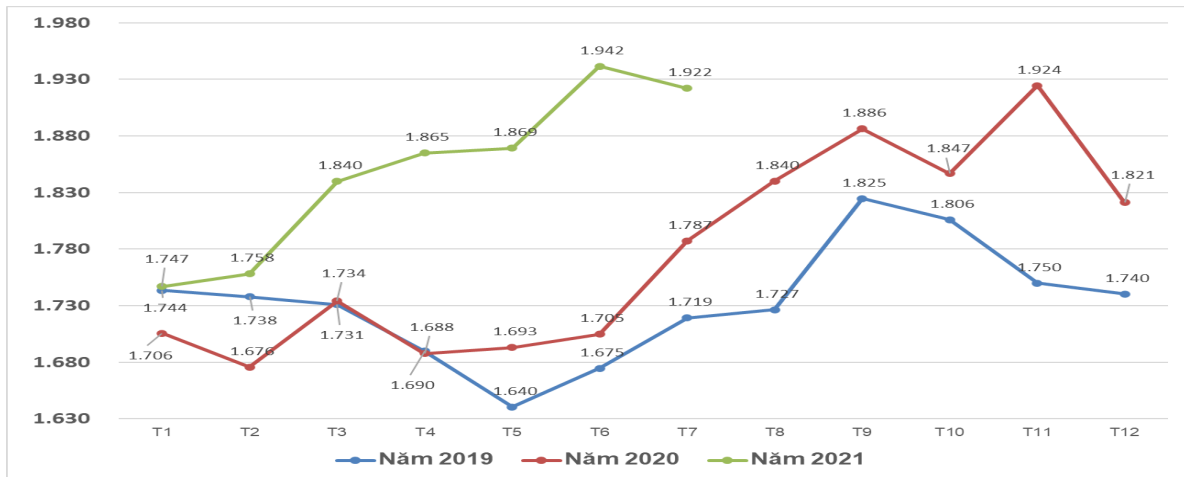
Nguồn: Tổng cục Hải quan

Tháng 7/2021, giá xuất khẩu bình quân cà phê của Việt Nam đạt mức 1.922 USD/tấn, giảm 1,0% so với tháng 6/2021, nhưng tăng 7,5% so với tháng 7/2020. Tính chung 7 tháng đầu năm 2021, giá xuất khẩu bình quân cà phê của

Việt Nam đạt mức 1.846 USD/tấn, tăng 8,6% so với 7 tháng đầu năm 2020. Trong đó, giá xuất khẩu bình quân cà phê của Việt Nam sang hầu hết các thị trường chủ lực tăng.

### Diễn biến giá xuất khẩu bình quân cà phê của Việt Nam qua các tháng giai đoạn 2019 – 2021

(ĐVT: USD/tấn)



Nguồn: Tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan

Tháng 7/2021 so với tháng 7/2020, xuất khẩu cà phê của Việt Nam sang hầu hết các thị trường chủ lực tăng, ngoại trừ Tây Ban Nha, Phi-líp-pin, Trung Quốc. Tính chung 7 tháng

đầu năm 2021, xuất khẩu cà phê sang một số thị trường chủ lực giảm, nhưng xuất khẩu sang thị trường Trung Quốc tăng mạnh so với cùng kỳ năm 2020.

### 10 thị trường xuất khẩu cà phê lớn nhất tháng 7 và 7 tháng đầu năm 2021

Thị trường	Tháng 7/2021		So với tháng 7/2020 (%)		7 tháng năm 2021		So với 7 tháng 2020 (%)	
	Lượng (tấn)	Trị giá (nghìn USD)	Lượng	Trị giá	Lượng (tấn)	Trị giá (nghìn USD)	Lượng	Trị giá
<b>Tổng</b>	<b>122.293</b>	<b>235.053</b>	<b>11,2</b>	<b>20,3</b>	<b>965.883</b>	<b>1.783.358</b>	<b>-8,1</b>	<b>-0,1</b>
Đức	23.130	41.718	154,6	170,1	143608	250.916	-10,5	3,0
Ý	12977	22.517	35,2	49,0	80922	136.969	-9,7	-2,0
Hoa Kỳ	12819	23.801	25,0	36,8	73634	142.655	-17,5	-11,0
Nhật Bản	9696	19.365	22,6	38,6	67413	129.967	-0,1	11,3
Nga	8202	16.179	34,7	25,5	49.770	98.220	-0,4	3,5



Thị trường	Tháng 7/2021		So với tháng 7/2020 (%)		7 tháng năm 2021		So với 7 tháng 2020 (%)	
	Lượng (tấn)	Trị giá (nghìn USD)	Lượng	Trị giá	Lượng (tấn)	Trị giá (nghìn USD)	Lượng	Trị giá
Tây Ban Nha	4202	8.482	-31,1	-15,5	40939	77.071	-43,4	-34,1
Phi-líp-pin	5056	12.440	-26,8	-18,0	34929	86.356	-26,8	-14,5
Bỉ	6549	11.826	49,5	70,5	34782	59.861	-30,6	-26,8
Trung Quốc	3189	7.402	-2,6	0,6	31374	71.484	50,2	49,5
An-giê-ri	5102	8.763	33,4	51,9	29.690	48.812	-29,9	-24,4
Thị trường khác	31.371	62.560	-26,4	-17,0	378.822	681.047	5,1	10,3

Nguồn: Tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan

## DUNG LƯỢNG THỊ TRƯỜNG NHẬP KHẨU CÀ PHÊ CỦA PHÁP TRONG 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2021 VÀ THỊ PHẦN CỦA VIỆT NAM

Mức tiêu thụ cà phê bình quân của Pháp gần với mức trung bình của châu Âu là 5,41 kg/năm. Người Pháp ưa chuộng cà phê cao cấp, rất nhiều người có thói quen đến quán từ 3-4 lần/tuần. Dịch Covid-19 thay đổi thói quen tiêu dùng cà phê của người Pháp. Tỷ lệ người tiêu dùng mang đồ uống từ các quán cà phê về tăng từ 22% lên 34%. Pháp được coi là thị trường tiềm năng lớn đối với các nhà xuất khẩu cà phê, đặc biệt là phân khúc cà phê cao cấp. Dự tính, thị trường cà phê cao cấp có thể tăng từ 2% trong số 300.000 tấn bán ở Pháp mỗi năm lên 10% thị phần vào năm 2025.

Theo số liệu thống kê từ Trung tâm Thương mại Quốc tế, nhập khẩu cà phê của Pháp trong 6 tháng đầu năm 2021 đạt 206,7 nghìn tấn, trị giá 1,52 tỷ USD, tăng 8,0% về lượng và tăng 16,0% về trị giá so với cùng kỳ năm 2020.

### Về chủng loại

6 tháng đầu năm 2021, Pháp tăng mạnh nhập khẩu chủng loại cà phê rang HS 090121 (không bao gồm cà phê đã khử caffein), mức



tăng 37,3% về lượng và tăng 23,1% về trị giá so với cùng kỳ năm 2020, đạt 90 nghìn tấn, trị giá 1,128 tỷ USD. Ngược lại, Pháp giảm nhập khẩu cà phê HS 090111 (trừ cà phê rang xay và loại bỏ caffein), mức giảm 6,7% về lượng và giảm 2,7% về trị giá, đạt 110,84 nghìn tấn, trị giá 296,84 triệu USD.

### Chủng loại cà phê Pháp nhập khẩu trong 6 tháng đầu năm 2021

Mã HS	6 tháng 2021		So với 6 tháng 2020 (%)		Cơ cấu chủng loại tính theo lượng (%)	
	Lượng (tấn)	Trị giá (nghìn USD)	Lượng	Trị giá	6 tháng 2021	6 tháng 2020
<b>Tổng</b>	<b>206.688</b>	<b>1.517.393</b>	<b>8,0</b>	<b>16,0</b>	<b>100,00</b>	<b>100,00</b>
090111	110.845	296.846	-6,7	-2,7	53,63	62,11
090121	90.089	1.128.084	37,3	23,1	43,59	34,29
090122	3.942	84.122	-2,6	11,8	1,91	2,11
090112	1.571	6.102	-39,7	-34,6	0,76	1,36
090190	242	2.239	3,6	3,1	0,12	0,12

Nguồn: Trung tâm Thương mại Quốc tế

### Diễn biến giá

6 tháng đầu năm 2021, giá nhập khẩu bình quân cà phê của Pháp đạt mức 7.341 USD/tấn, tăng 7,4% so với 6 tháng đầu năm 2020. Trong

đó, giá nhập khẩu bình quân cà phê của Pháp tăng từ nhiều thị trường chính, ngoại trừ Đức, Bra-xin, Việt Nam.

## Thị trường cung cấp cà phê lớn nhất cho Pháp 6 tháng đầu năm 2021

Thị trường	6 tháng 2021			So với 6 tháng năm 2020 (%)		
	Lượng (tấn)	Trị giá (nghìn USD)	Giá TB (USD/tấn)	Lượng	Trị giá	Giá TB
<b>Tổng</b>	<b>206.688</b>	<b>1.517.393</b>	<b>7.341</b>	<b>8,0</b>	<b>16,0</b>	<b>7,4</b>
Đức	26.453	150.446	5.687	37,7	16,2	-15,6
Bra-xin	32.145	68.137	2.120	17,3	14,0	-2,9
Bỉ	22.045	96.612	4.382	2,6	15,1	12,2
Thụy Sĩ	23.090	733.941	31.787	10,1	17,5	6,7
Hà Lan	19.899	132.936	6.681	3,2	13,1	9,6
Hon-đu-rát	13.384	40.569	3.031	-9,6	0,1	10,8
<b>Việt Nam</b>	<b>12.928</b>	<b>21.117</b>	<b>1.633</b>	<b>-36,3</b>	<b>-39,0</b>	<b>-4,4</b>
Thị trường khác	56.744	273.635	4.822	18,4	25,8	6,2

Nguồn: Trung tâm Thương mại Quốc tế

(\* Ghi chú HS 0901 Cà phê, đã hoặc chưa rang hoặc chưa tách caffeine; vỏ hoặc vỏ cà phê; sản phẩm thay thế cà phê

6 tháng đầu năm 2021, Pháp tăng nhập khẩu cà phê từ hầu hết các thị trường cung cấp chính, ngoại trừ Việt Nam.

Số liệu thống kê cho thấy, nhập khẩu cà phê của Pháp từ Việt Nam trong 6 tháng đầu năm 2021 đạt xấp xỉ 12,93 nghìn tấn, trị giá 21,12 triệu USD, giảm 36,3% về lượng và giảm 39,0% về trị giá so với 6 tháng đầu năm 2020. Thị phần cà phê của Việt Nam trong tổng lượng nhập khẩu của Pháp giảm từ 10,6% trong 6 tháng đầu năm 2020 xuống 6,25% trong 6 tháng đầu năm 2021.

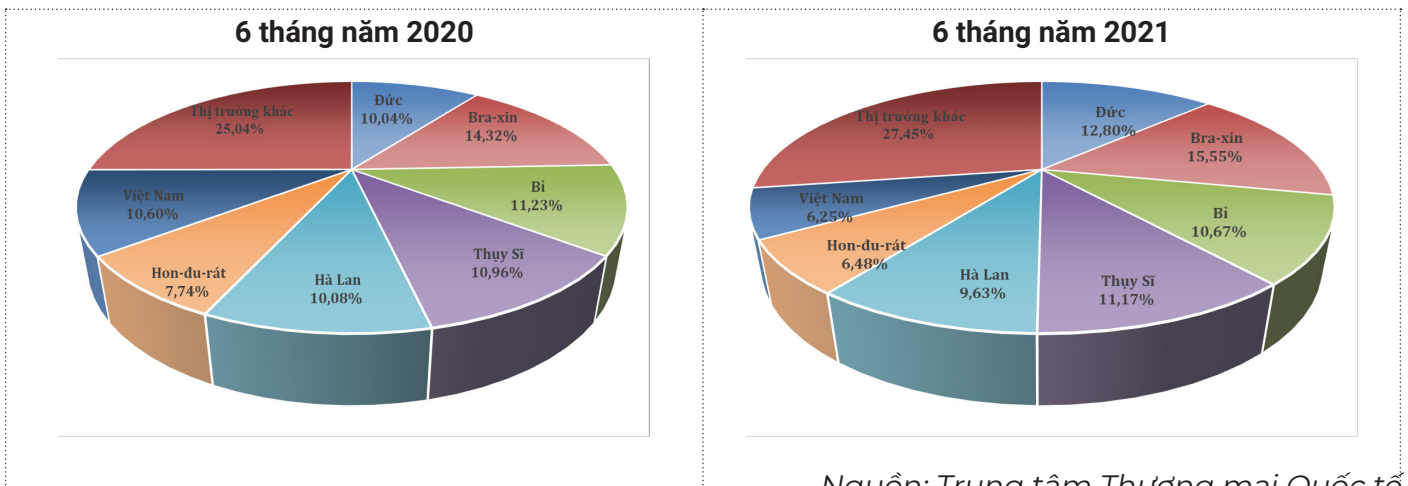
Nguyên nhân là do Pháp có sự chuyển dịch về cơ cấu chủng loại, tăng nhập khẩu cà phê chế biến (HS 090121), giảm nhập khẩu dạng thô (HS 090111). Trong khi đó, Việt Nam chủ yếu xuất khẩu cà phê có mã HS 090111 sang Pháp, chiếm 99,69% tổng giá trị xuất khẩu trong 6 tháng đầu năm 2021. Do đó, để gia tăng giá trị xuất khẩu cà phê sang thị



trường Pháp, ngành cà phê Việt Nam cần có sự chuyển dịch về cơ cấu chủng loại xuất khẩu, tăng xuất khẩu cà phê chế biến phù hợp với phân khúc cao cấp trên thị trường.

### Cơ cấu thị trường cung cấp cà phê cho Pháp

(Tỷ trọng tính theo lượng)



Nguồn: Trung tâm Thương mại Quốc tế

# THỊ TRƯỜNG HẠT ĐIỀU

- ▶ Nhu cầu tiêu thụ hạt điều toàn cầu được dự báo tăng trưởng bình quân 4,6%/năm trong giai đoạn 2021 – 2026.
- ▶ Trong 15 ngày đầu tháng 8/2021, xuất khẩu hạt điều của Việt Nam giảm do tác động của dịch Covid-19.
- ▶ Thị phần hạt điều của Việt Nam trong tổng lượng nhập khẩu của Thụy Sĩ tăng từ 38,58% trong 6 tháng đầu năm 2020, lên 53,16% trong 6 tháng đầu năm 2021.



## THỊ TRƯỜNG HẠT ĐIỀU THẾ GIỚI

Theo thông tin từ <https://www.mordorintelligence.com>, nhu cầu tiêu thụ hạt điều toàn cầu dự báo tăng trưởng bình quân 4,6%/năm trong giai đoạn 2021 – 2026.

Đại dịch Covid-19 có tác động trực tiếp và bất lợi đến thị trường hạt điều trên toàn cầu. Việc giãn cách xã hội để kiểm chế và ngăn chặn đại dịch ảnh hưởng tiêu cực đến các kênh phân phối. Xuất khẩu hạt điều của Tây Phi sang Việt Nam và Ấn Độ để chế biến gặp khó khăn. Kênh phân phối bị gián đoạn làm giảm khả năng cung cấp các sản phẩm cuối cùng của hạt điều trên thị trường.

Trong khi đó, xu hướng toàn cầu đang ưa chuộng chế độ ăn thuần chay và thực vật. Những người áp dụng chế độ ăn thuần chay dựa trên thực vật ưu tiên các nguồn protein thay thế cho các nguồn protein từ động vật, dẫn đến nhu cầu tăng cao đối với các loại hạt và thực phẩm chế biến từ hạt.

Nhu cầu ngày càng tăng đối với hạt điều có hương vị tiếp tục thúc đẩy tiêu thụ hạt điều ở khu vực châu Phi. Năm 2018, trong số tất cả các quốc gia sản xuất hạt điều, các quốc gia châu Phi đóng góp 56,5% vào sản lượng điều toàn cầu, trong khi các quốc gia châu Á đóng góp 44%. Trong khi đó, Việt Nam là nhà cung cấp hạt điều lớn nhất cho Hoa Kỳ, Trung Quốc, Úc, Ca-na-đa và Niu-Di-Lân.

Bắc Mỹ là nhà nhập khẩu hạt điều lớn nhất toàn cầu. Do yếu tố địa hình, khí hậu không

thuận lợi cho việc sản xuất hạt điều, do đó khu vực này phụ thuộc vào nhập khẩu. Tương tự, châu Âu cũng phụ thuộc hoàn toàn vào nhập khẩu, trong khi nhu cầu tiêu thụ hạt điều có xu hướng ngày càng tăng.

Châu Á - Thái Bình Dương là thị trường tiêu thụ hạt điều lớn nhất thế giới. Trong những năm gần đây, ngày càng có nhiều sự quan tâm đến việc sử dụng hạt điều trong chế độ ăn uống thông thường và các món nhẹ ăn liền lành mạnh. Sự gia tăng số lượng các nhà sản xuất thực phẩm dựa trên hạt điều đã khiến cả người tiêu dùng trẻ tuổi và người lớn tuổi quan tâm tới sản phẩm; ví dụ, hạt điều rang và tẩm gia vị, hấp dẫn khẩu vị địa phương, đã được giới thiệu ở Ấn Độ. Nhu cầu đối với hạt điều ở châu Á liên tục tăng, nhập khẩu hạt điều có vỏ tăng mạnh từ 2.317 tấn năm 2016 lên 10.771 tấn năm 2018 tại Trung Quốc. Trung Quốc dẫn đầu khu vực về nhập khẩu hạt điều, tiếp theo là Nhật Bản, Thái Lan và Ấn Độ.

Các loại hạt đã trở thành một thành phần chính trong chế độ ăn uống của người Trung Quốc kể từ khi Chính sách Y tế Quốc gia ra đời có tên là “Hướng dẫn chế độ ăn uống cho người dân Trung Quốc”, nhấn mạnh đến việc tiêu thụ các loại hạt hàng ngày. Nhập khẩu hạt điều tăng cũng có thể là do chiến dịch bán sản phẩm mới “các loại hạt hàng ngày”, bao gồm hạt điều, đóng gói ăn liền, của các nhà sản xuất hạt điều Trung Quốc, do đó đã thúc đẩy thị trường hạt điều trong nước.



## GIÁ XUẤT KHẨU BÌNH QUÂN HẠT ĐIỀU THÁNG 7/2021 TĂNG SO VỚI THÁNG 6/2021 VÀ SO VỚI THÁNG 7/2020

Theo số liệu thống kê từ Tổng cục Hải quan, 15 ngày đầu tháng 8/2021, xuất khẩu hạt điều của Việt Nam đạt 20,4 nghìn tấn, trị giá 137,44 triệu USD, giảm 21,6% về lượng và giảm 18,5% về trị giá so với 15 ngày đầu tháng 7/2021; giảm 1,2% về lượng, nhưng tăng 14,5% về trị giá so với 15 ngày đầu tháng 8/2020. Lũy kế từ đầu năm đến hết ngày 15/8/2021, xuất khẩu hạt điều của Việt Nam đạt 348,7 nghìn tấn, trị giá 2,14 tỷ USD, tăng 21,5% về lượng và tăng 15,6% về trị giá so với cùng kỳ năm 2020.

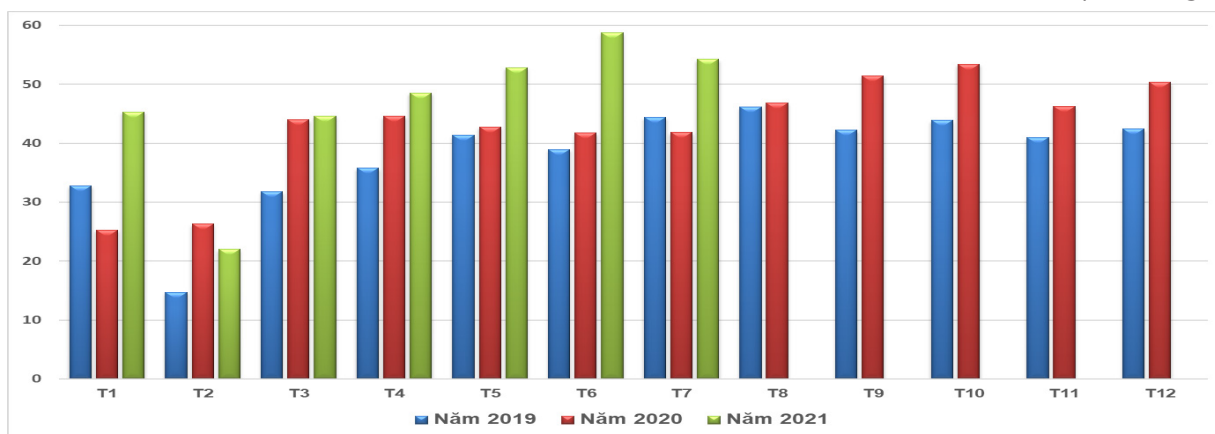
Xuất khẩu hạt điều của Việt Nam trong tháng 7/2021 đạt 54,26 nghìn tấn, trị giá 350,35

triệu USD, giảm 7,6% về lượng và giảm 5,2% về trị giá so với tháng 6/2021, nhưng so với tháng 7/2020 tăng mạnh 29,8% về lượng và tăng 44,3% về trị giá. Tính chung 7 tháng đầu năm 2021, xuất khẩu hạt điều của Việt Nam đạt 328,52 nghìn tấn, trị giá trên 2 tỷ USD, tăng 23,3% về lượng và tăng 15,8% về trị giá so với cùng kỳ năm 2020.

Dự báo xuất khẩu hạt điều của Việt Nam sẽ thuận lợi trong thời gian tới do nhu cầu tiêu thụ hạt điều của châu Âu, Hoa Kỳ tăng theo yếu tố chu kỳ. Nhiều doanh nghiệp lớn đã có đơn hàng giao năm 2022.

### Lượng hạt điều của Việt Nam xuất khẩu qua các tháng giai đoạn 2019 – 2021

(ĐVT: nghìn tấn)



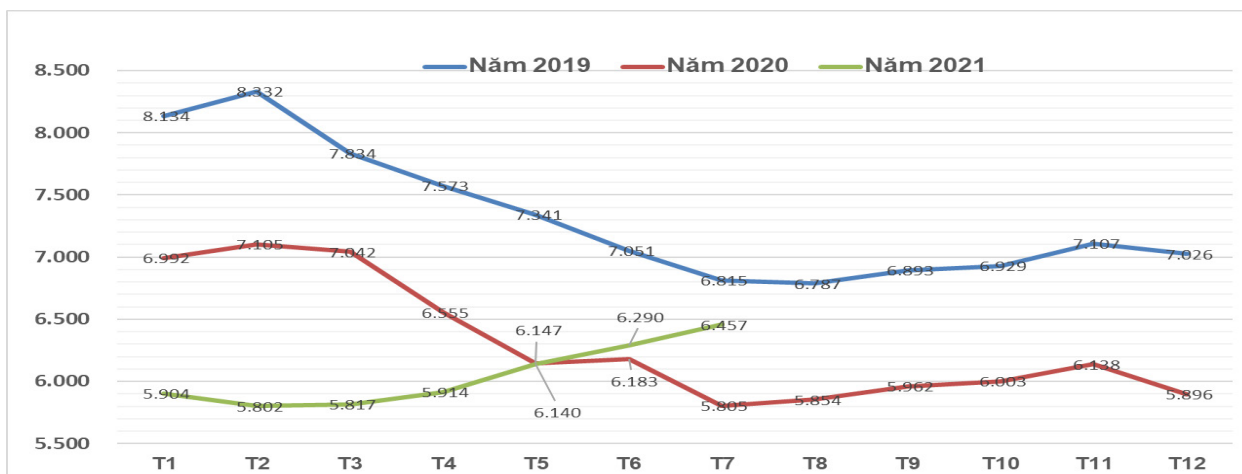
Nguồn: Tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan

### Diễn biến giá xuất khẩu

Tháng 7/2021, giá xuất khẩu bình quân hạt điều của Việt Nam đạt mức 6.457 USD/tấn, tăng 2,7% so với tháng 6/2021 và tăng 11,2% so với tháng 7/2020. Tuy nhiên, trong 7 tháng đầu năm 2021, giá xuất khẩu bình quân hạt

điều của Việt Nam giảm 6,1% so với cùng kỳ năm 2020, chỉ đạt 6.095 USD/tấn. Trong đó, giá xuất khẩu bình quân hạt điều sang nhiều thị trường giảm, ngoại trừ Ai Cập, Trung Quốc, I-xra-en, Pa-ki-xtan, Ả rập Xê út, Ấn Độ, Xin-ga-po, Nam Phi.

### Diễn biến giá xuất khẩu bình quân hạt điều của Việt Nam qua các tháng giai đoạn 2019 – 2021 (USD/tấn)



Nguồn: Tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan

Tháng 7 và 7 tháng đầu năm 2021, xuất khẩu hạt điều của Việt Nam sang hầu hết các thị trường chính tăng mạnh, ngoại trừ Úc. Đáng

chú ý, xuất khẩu hạt điều sang các thị trường Nga, Nhật Bản, Pháp tăng mạnh trong tháng 7 và 7 tháng đầu năm 2021.

### 10 thị trường xuất khẩu hạt điều lớn nhất trong tháng 7 và 7 tháng đầu năm 2021

Thị trường	Tháng 7/2021		So với tháng 7/2020 (%)		7 tháng 2021		So với 7 tháng 2020 (%)	
	Lượng (tấn)	Trị giá (nghìn USD)	Lượng	Trị giá	Lượng (tấn)	Trị giá (nghìn USD)	Lượng	Trị giá
<b>Tổng</b>	<b>54.260</b>	<b>350.347</b>	<b>29,8</b>	<b>44,3</b>	<b>328.517</b>	<b>2.002.267</b>	<b>23,3</b>	<b>15,8</b>
Hoa Kỳ	17.765	109.852	47,8	59,8	101.247	572.941	11,7	-3,2
Trung Quốc	6.270	45.245	20,4	49,7	45.414	336.974	56,0	80,2
Hà Lan	7.730	49.800	28,8	35,3	41.344	218.714	19,5	-4,7
Đức	2.314	14.593	5,1	3,2	12.039	74.167	2,1	-5,6
Ca-na-đa	1.737	11.405	24,3	39,4	10.031	66.201	38,2	29,6
Anh	2.001	11.657	22,3	24,9	9.081	50.374	1,3	-5,8
Úc	1.415	8.870	-32,7	-20,8	7.886	47.718	-13,1	-15,3
Nga	990	5.696	107,1	143,5	5.722	31.062	76,8	59,7
Nhật Bản	964	6.465	120,6	137,3	5.272	34.852	41,5	36,6
Pháp	1.065	7.319	58,0	71,9	5.014	34.467	34,0	23,2
Thị trường khác	12.009	79.446	24,3	44,9	85.467	534.797	33,0	31,1

Nguồn: Tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan

### DUNG LƯỢNG THỊ TRƯỜNG NHẬP KHẨU HẠT ĐIỀU CỦA THỤY SĨ TRONG 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2021 VÀ THỊ PHẦN CỦA VIỆT NAM

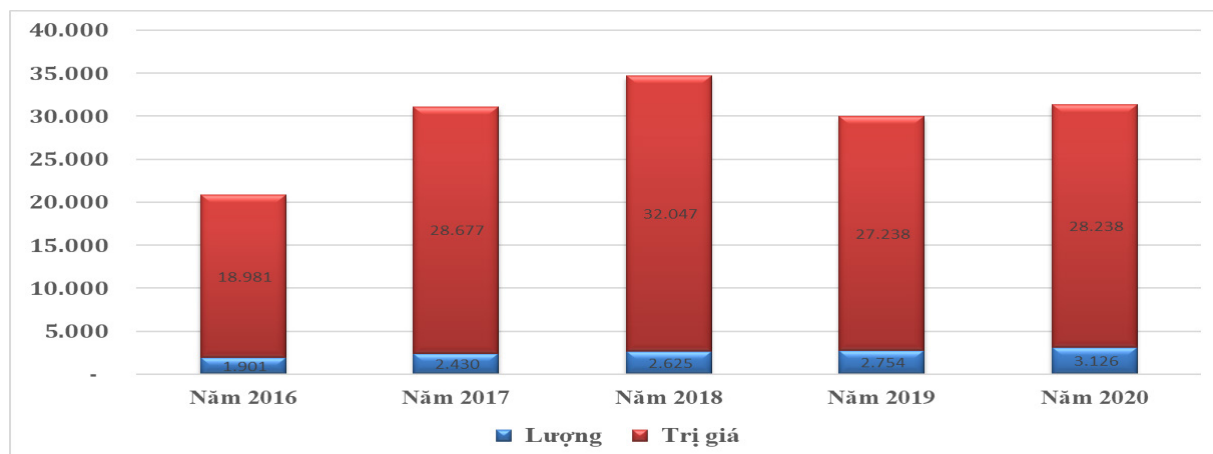
Theo số liệu thống kê từ Trung tâm thương mại Quốc tế, nhập khẩu hạt điều của Thụy Sĩ giai đoạn 2016 – 2020 tăng trưởng bình quân 13,6%/năm (tính theo lượng) và tăng 12,9%/năm (tính theo trị giá), từ 1,9 nghìn tấn, trị giá 18,98 triệu USD năm 2016 tăng lên 3,12 nghìn tấn, trị giá 28,24 triệu USD năm 2020. Trong đó, tốc độ nhập khẩu hạt điều của Thụy Sĩ từ Việt Nam tăng trưởng bình quân 20,4% (tính theo lượng) và tăng 19,8%/năm (tính theo trị giá), từ 742 nghìn tấn, trị giá 7 triệu USD năm 2016 tăng lên xấp xỉ 1,5 nghìn tấn, trị giá 12,33 triệu USD năm 2020. Nhập khẩu hạt điều từ Ấn Độ vào



Thụy Sĩ tăng trưởng bình quân 2,4%/năm (tính theo lượng) và tăng 0,6%/năm (tính theo trị giá), từ 622 nghìn tấn, trị giá 6,13 triệu USD năm 2016, đến năm 2020 đạt 603 nghìn tấn, trị giá 5,57 triệu USD.

### Thụy Sĩ nhập khẩu hạt điều giai đoạn 2016 – 2020

(ĐVT: Lượng; tấn; Trị giá; nghìn USD)



Nguồn: Trung tâm Thương mại Quốc tế

Trong 6 tháng đầu năm 2021, Thụy Sĩ nhập khẩu 1,46 nghìn tấn hạt điều, trị giá 13,37 triệu USD, tăng 1,9% về lượng và tăng 0,9% về trị giá so với cùng kỳ năm 2020.

Về giá nhập khẩu:

6 tháng đầu năm 2021, giá nhập khẩu bình quân hạt điều vào Thụy Sĩ đạt mức 9.145 USD/tấn, giảm 1,0% so với cùng kỳ năm 2020. Trong đó, giá nhập khẩu bình quân hạt điều của Thụy Sĩ từ hầu hết các nguồn cung chính giảm, ngoại trừ Ấn Độ.



### 5 thị trường cung cấp hạt điều lớn nhất cho Thụy Sĩ trong 6 tháng đầu năm 2021

Thị trường	6 tháng 2021			So với 6 tháng 2020 (%)		
	Lượng (tấn)	Trị giá (nghìn USD)	Giá TB (USD/tấn)	Lượng	Trị giá	Giá TB
<b>Tổng</b>	<b>1.463</b>	<b>13.376</b>	<b>9.145</b>	<b>1,9</b>	<b>0,9</b>	<b>-1,0</b>
<b>Việt Nam</b>	<b>777</b>	<b>6.519</b>	<b>8.385</b>	<b>40,4</b>	<b>35,6</b>	<b>-3,4</b>
Ấn Độ	225	2.214	9.822	-19,2	-17,2	2,4
Bờ Biển Ngà	161	1.553	9.658	62,5	52,6	-6,1
Hà Lan	61	514	8.439	-51,7	-53,2	-3,2
Bê-nanh	48	489	10.267	31,3	26,0	-4,0
Thị trường khác	190	2.087	10.965	-44,2	-36,3	14,3

Nguồn: Trung tâm Thương mại Quốc tế

(\* Ghi chú HS 080132 Hạt điều tươi hoặc khô, đã tách vỏ

6 tháng đầu năm 2021, Thụy Sĩ tăng nhập khẩu hạt điều từ Việt Nam, Bờ Biển Ngà, Bê-nanh, nhưng giảm nhập khẩu từ Ấn Độ, Hà Lan.

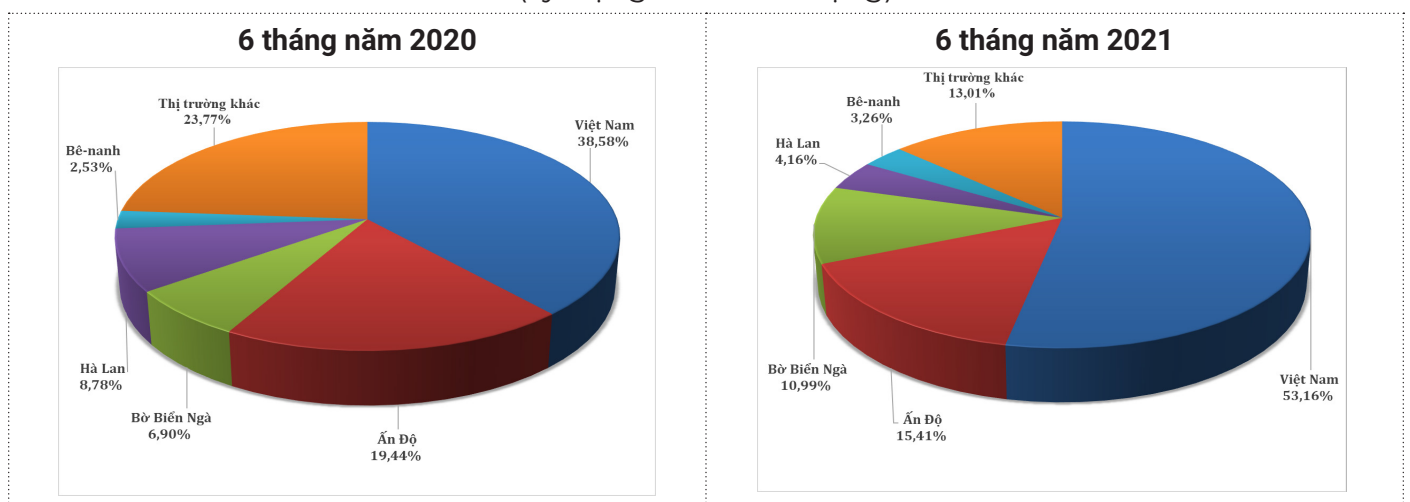
Số liệu thống kê cho thấy, nhập khẩu hạt điều của Thụy Sĩ từ Việt Nam trong 6 tháng đầu năm 2021 đạt 777 tấn, trị giá 6,52 triệu USD, tăng 40,4% về lượng và tăng 35,6% về trị giá so

với 6 tháng đầu năm 2020. Thị phần hạt điều của Việt Nam trong tổng lượng nhập khẩu của Thụy Sĩ tăng từ 38,58% trong 6 tháng đầu năm 2020 lên 53,16% trong 6 tháng đầu năm 2021.

Qua số liệu thống kê cho thấy, hạt điều Việt Nam đang có lợi thế cạnh tranh lớn tại thị trường Thụy Sĩ.

### Cơ cấu thị trường cung cấp hạt điều cho Thụy Sĩ

(Tỷ trọng tính theo lượng)



Nguồn: Trung tâm Thương mại Quốc tế



# THỊ TRƯỜNG RAU QUẢ

- ▶ Trung Quốc cấm nhập khẩu nhãn từ Thái Lan do rệp sáp phá hoại.
- ▶ Trong nửa đầu năm 2021, Trung Quốc xuất khẩu và nhập khẩu trái cây tăng trưởng khả quan so với cùng kỳ năm 2020.
- ▶ Thị phần quả xoài, ổi, măng cụt (mã HS 080450) của Việt Nam trong tổng lượng nhập khẩu của EU tăng.
- ▶ Kim ngạch xuất khẩu hàng rau quả trong tháng 7/2021 giảm tháng thứ 3 liên tiếp do ảnh hưởng tiêu cực từ làn sóng Covid-19 lần thứ 4.



## THỊ TRƯỜNG THẾ GIỚI

**Thái Lan:** Dẫn nguồn freshplaza.com, theo Cục Xúc tiến Thương mại Quốc tế, Bộ Thương mại Thái Lan, Chính phủ Trung Quốc đã thực hiện lệnh cấm nhập khẩu nhãn từ Thái Lan do phát hiện rệp sáp trong nhãn xuất khẩu của Thái Lan.

Cục Xúc tiến Thương mại Quốc tế, Bộ Thương mại Thái Lan, đang tìm cách trì hoãn lệnh cấm, nếu các cuộc đàm phán không thành công thì xuất khẩu nhãn của Thái Lan sẽ bị ảnh hưởng vì 70% đến 80% tổng số nhãn xuất khẩu của Thái Lan tới Trung Quốc. Bên cạnh đó, Cục Xúc tiến Thương mại Quốc tế, Bộ Thương mại Thái Lan sẽ tìm kiếm thêm các thị trường tiềm năng tại Đông Nam Á để bù đắp cho sự sụt giảm từ Trung Quốc.

**Trung Quốc:** Dẫn nguồn producereport.com, theo Hiệp hội Xuất nhập khẩu thực

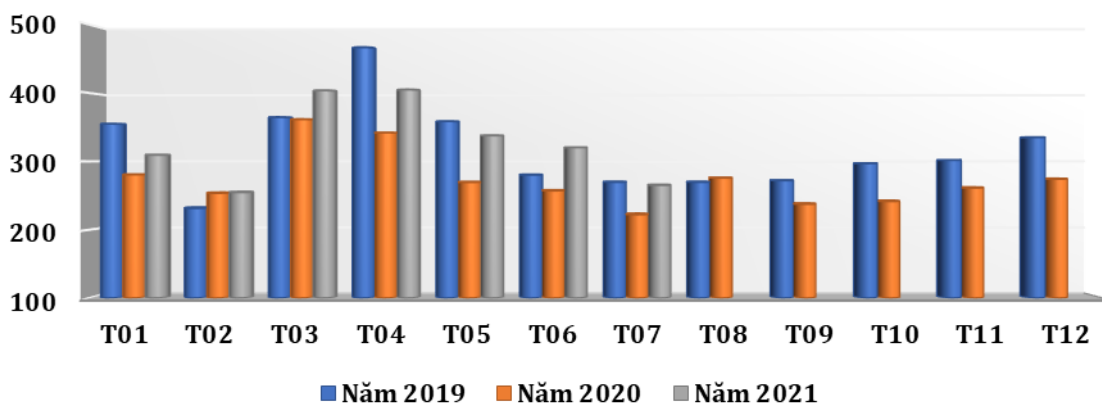
phẩm, sản phẩm địa phương và phụ phẩm động vật Trung Quốc (CFNA), trong nửa đầu năm 2021, xuất khẩu và nhập khẩu trái cây của Trung Quốc đều tăng trưởng khả quan so với cùng kỳ năm 2020. Trong nửa đầu năm 2021, Trung Quốc nhập khẩu 3,71 triệu tấn trái cây, trị giá 7,69 tỷ USD, tăng 2% về lượng và tăng 21% về trị giá so với cùng kỳ năm 2020. Xuất khẩu trái cây của Trung Quốc đạt 1,43 triệu tấn, trị giá 2,29 tỷ USD, tăng 5,9% về lượng và tăng 15,4% về trị giá so với cùng kỳ năm 2020. Đáng chú ý, nhập khẩu trái cây của Trung Quốc đạt mức cao kỷ lục là 10,26 tỷ USD vào năm 2020, đây là lần đầu tiên trong lịch sử vượt 10 tỷ USD. Tính từ đầu năm đến hết tháng 6/2021, trị giá nhập khẩu trái cây của Trung Quốc đã bằng 75% tổng trị giá nhập khẩu trái cây của năm 2020, dự kiến năm 2021 nhập khẩu trái cây của Trung Quốc sẽ đạt kỷ lục mới.

## TÌNH HÌNH XUẤT KHẨU HÀNG RAU QUẢ CỦA VIỆT NAM

Theo số liệu thống kê từ Tổng cục Hải quan, kim ngạch xuất khẩu hàng rau quả trong tháng 7/2021 đạt 265,4 triệu USD, tăng 19,1% so với tháng 7/2020. Luỹ kế từ đầu năm đến hết tháng 7/2021, kim ngạch xuất khẩu hàng rau quả đạt 2,3 tỷ USD, tăng 15,8% so với cùng kỳ năm 2020.

Kim ngạch xuất khẩu hàng rau quả trong tháng 7/2021 giảm tháng thứ 3 liên tiếp do ảnh hưởng tiêu cực từ làn sóng Covid-19 lần thứ 4. Xuất khẩu hàng rau quả tiếp tục chịu tác động bởi tình hình dịch bệnh vẫn đang diễn biến rất phức tạp tại nhiều tỉnh, thành phố trên cả nước.

**Xuất khẩu hàng rau quả của Việt Nam qua các tháng giai đoạn năm 2019 - 2021 (ĐVT: triệu USD)**



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Trong 7 tháng đầu năm 2021, xuất khẩu hàng rau quả sang các thị trường chính vẫn tăng trưởng khả quan, do trị giá xuất khẩu trong cùng kỳ năm 2020 ở mức thấp bởi tình hình dịch bệnh. Trong đó, xuất khẩu hàng rau quả tới thị trường Trung Quốc dẫn đầu đạt 1,3 tỷ USD, tăng 15,6% so với cùng kỳ năm 2020; Tiếp theo là Hoa Kỳ đạt 134,3 triệu USD, tăng 49,3%; Hàn Quốc đạt 96,2 triệu USD, tăng 2,4%; Nhật Bản đạt 93,6 triệu USD, tăng 18,2%...



**Thị trường xuất khẩu hàng rau quả trong tháng 7 và 7 tháng đầu năm 2021**

Thị trường	Tháng 7/2021 (nghìn USD)	So với tháng 7/2020 (%)	7 tháng năm 2021 (nghìn USD)	So với 7 tháng năm 2020 (%)	Tỷ trọng 7 tháng (%)	
					Năm 2021	Năm 2020
<b>Tổng</b>	<b>265.385</b>	<b>19,1</b>	<b>2.291.937</b>	<b>15,8</b>	<b>100,0</b>	<b>100,0</b>
Trung Quốc	118.262	9,6	1.329.889	15,6	58,0	58,1
Hoa Kỳ	23.056	77,3	134.306	49,3	5,9	4,5
Hàn Quốc	14.142	16,1	96.170	2,4	4,2	4,7
Nhật Bản	14.401	30,7	93.613	18,2	4,1	4,0
Thái Lan	12.668	39,6	75.711	-14,4	3,3	4,5
Đài Loan	15.749	62,1	66.024	25,3	2,9	2,7
Hà Lan	9.509	51,7	48.345	-1,1	2,1	2,5
Nga	5.525	25,8	47.752	47,6	2,1	1,6
Úc	5.919	11,0	46.568	45,6	2,0	1,6
Hồng Kông	6.883	18,2	39.410	10,1	1,7	1,8
Thị trường khác	39.271	3,0	314.149	14,0	13,7	13,9

Nguồn: Tính toán từ số liệu thống kê của Tổng cục Hải quan





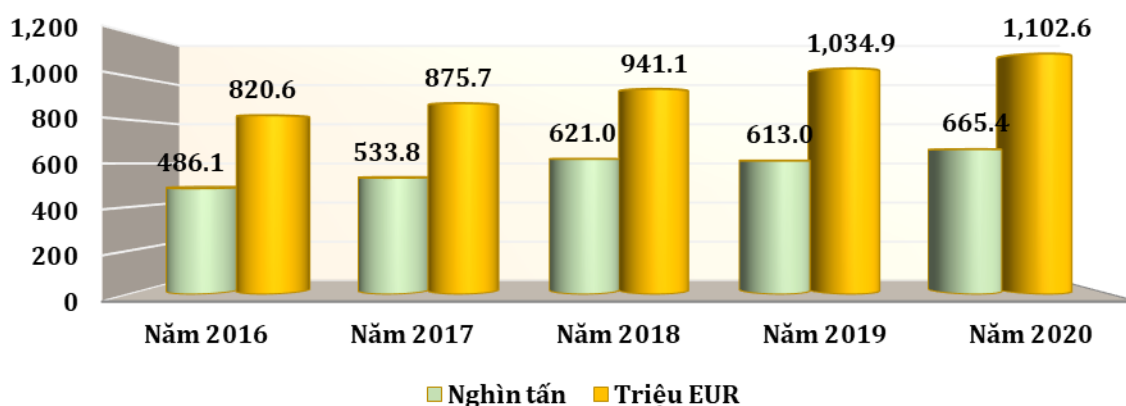
## DUNG LƯỢNG THỊ TRƯỜNG NHẬP KHẨU QUẢ XOÀI, ỔI, MĂNG CỤT (MÃ HS 080450) CỦA EU VÀ THỊ PHẦN CỦA VIỆT NAM

Theo số liệu thống kê từ Cơ quan thống kê châu Âu (Eurostat), nhập khẩu quả xoài, ổi, măng cụt (mã HS 080450) của EU tăng dần qua các năm trong giai đoạn năm 2016 – 2020, trong đó tốc độ tăng trưởng bình quân về lượng là 8,4%/năm, về trị giá là 7,7%/năm. Bất chấp ảnh hưởng của dịch Covid-19, năm 2020 EU nhập khẩu mặt hàng này tăng mạnh cả về lượng và trị giá, đạt 665,4 nghìn tấn với trị giá 1,1 tỷ EUR (tương đương 1,29 tỷ USD), tăng 8,5%

về lượng và tăng 6,5% về trị giá so với năm 2019.

Trong 5 tháng đầu năm 2021, EU tiếp tục tăng nhập khẩu mã HS 080450 đạt 343,9 nghìn tấn, trị giá 525,5 triệu EUR (tương đương 614,8 triệu USD), tăng 7,0% về lượng và tăng 3,1% về trị giá so với cùng kỳ năm 2020. Giá nhập khẩu bình quân trong 5 tháng đầu năm 2021 đạt 1.527,9 EUR/tấn, giảm 3,7% so với cùng kỳ năm 2020.

**EU nhập khẩu quả xoài, ổi, măng cụt (mã HS 080450) giai đoạn năm 2016 -2020**

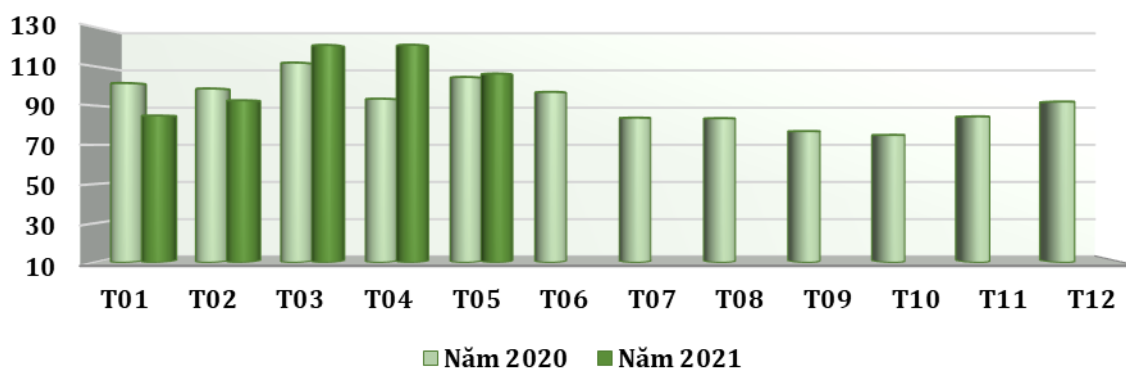


Nguồn: Eurostat



## EU nhập khẩu quả xoài, ổi, măng cụt (mã HS 080450) qua các tháng năm 2020 – 2021

(ĐVT: Triệu Euro)



Nguồn: Eurostat

EU nhập khẩu quả xoài, ổi, măng cụt (mã HS 080450) nhiều nhất từ thị trường Pê-ru, Hà Lan và Bra-xin trong 5 tháng đầu năm 2021, lượng nhập khẩu từ 3 thị trường này chiếm 73,5% tổng lượng nhập khẩu mã HS 080450 của EU. Việt Nam là thị trường cung cấp quả xoài, ổi, măng cụt (mã HS 080450) lớn thứ 31 cho EU, tỷ trọng nhập khẩu từ Việt Nam chỉ chiếm 0,4% tổng lượng nhập khẩu của EU.

Trong cơ cấu mã HS 080450, quả xoài là một loại trái cây nhiệt đới phổ biến và mức tiêu thụ ngày càng tăng do giá cả ở mức phù hợp hơn đối với người tiêu dùng EU. Xoài thường được nhập khẩu từ các nước đang phát triển.

Xoài là một trong những loại trái cây nhiệt đới chính được trồng tại Việt Nam, chỉ đứng sau chuối. Việt Nam là nước sản xuất xoài lớn thứ 13 thế giới với tổng diện tích trồng xoài trong cả nước khoảng trên 87.000 ha, tổng sản lượng xoài trong năm 2020 đạt 893,2 ngàn tấn, tăng 6,5% so với năm 2019. Quả xoài của Việt Nam được đánh giá là có tiềm năng xuất khẩu đến những thị trường khó tính, góp phần phát triển ngành nông sản ở Việt Nam. Xoài là loại trái cây có mùa vụ quanh năm, chất lượng ổn định nên doanh nghiệp thuận lợi trong chủ động ký kết các hợp đồng xuất khẩu...

### Thị trường cung cấp quả xoài, ổi, măng cụt (mã HS 080450) cho EU trong 5 tháng đầu năm 2021

Thị trường	5 tháng năm 2021				So với 5 tháng năm 2020 (%)			Tỷ trọng theo lượng 5 tháng (%)	
	Lượng (tấn)	Trị giá (nghìn EUR)	Trị giá (nghìn USD)	Giá (EUR/tấn)	Lượng	Trị giá	Giá	Năm 2021	Năm 2020
<b>Tổng</b>	<b>343.947</b>	<b>525.500</b>	<b>614.835</b>	<b>1.527,9</b>	<b>7,0</b>	<b>3,1</b>	<b>-3,7</b>	<b>100,00</b>	<b>100,00</b>
Pê-ru	106.182	149.524	174.943	1.408,2	-3,6	-12,7	-9,4	30,87	34,26
Hà Lan	93.440	150.415	175.986	1.609,8	4,0	9,4	5,3	27,17	27,95
Bra-xin	53.129	67.365	78.817	1.268,0	39,7	42,4	2,0	15,45	11,83
Bờ Biển Ngà	24.364	23.759	27.797	975,2	17,5	6,7	-9,2	7,08	6,45
Tây Ban Nha	17.038	34.416	40.267	2.020,0	10,4	2,5	-7,2	4,95	4,80
Đức	11.376	24.919	29.156	2.190,4	6,8	14,7	7,4	3,31	3,31
Bỉ	8.267	12.629	14.777	1.527,7	12,9	-1,4	-12,6	2,40	2,28
Bồ Đào Nha	5.647	8.672	10.146	1.535,6	63,5	32,4	-19,0	1,64	1,07
Pháp	4.247	7.451	8.718	1.754,4	-33,0	-35,7	-4,0	1,23	1,97
Ma-li	3.808	3.712	4.343	974,9	-3,0	-12,6	-9,9	1,11	1,22
...									
Việt Nam	131	829	970	6.325,8	222,1	276,1	16,7	0,04	0,01
Thị trường khác	16.318	41.808	48.915	2.562,0	4,8	2,3	-2,4	4,74	4,84

Nguồn: Eurostat

Ghi chú: Tỷ giá 1 EUR = 1,17 USD

# THỊ TRƯỜNG SẢN VÀ SẢN PHẨM TỪ SẢN

- ▶ Trong 20 ngày đầu tháng 8/2021, giá xuất khẩu tinh bột sắn và sắn lát tại Thái Lan có xu hướng giảm so với cuối tháng 7/2021, trong khi giá sắn nguyên liệu trong nước được điều chỉnh tăng.
- ▶ Từ đầu tháng 8/2021 đến nay, giá sắn nguyên liệu tại các vùng không có nhiều biến động, nhiều nhà máy sản xuất tại Tây Ninh vẫn ngừng hoạt động.
- ▶ Trong 15 ngày đầu tháng 8/2021, xuất khẩu sắn và các sản phẩm từ sắn tăng so với cùng kỳ năm 2020.
- ▶ 6 tháng đầu năm 2021, thị phần sắn lát và tinh bột sắn của Việt Nam trong tổng nhập khẩu của Trung Quốc giảm so với cùng kỳ năm 2020.

## THỊ TRƯỜNG THẾ GIỚI

**Thái Lan:** 20 ngày đầu tháng 8/2021, giá xuất khẩu tinh bột sắn và sắn lát tại Thái Lan có xu hướng giảm so với cuối tháng 7/2021, trong khi giá sắn nguyên liệu trong nước được điều chỉnh tăng. Ngày 17/8/2021, Hiệp hội tinh bột sắn Thái Lan điều chỉnh giảm giá sản xuất khẩu tinh bột sắn xuống mức 480 USD/tấn, giảm 5 USD/tấn so với cuối tháng 7/2021; trong khi giữ ổn định giá thu mua tinh bột sắn nội địa ở mức 14,1 Baht/kg, ổn định so với cuối tháng 7/2021.

Hiệp hội Hiệp hội thương mại khoai mì Thái Lan cũng hạ giá sản xuất khẩu sắn lát xuống mức 245 – 255 USD/tấn, FOB - Băng Cốc, giảm 10 USD/tấn so với cuối tháng 7/2021; trong khi điều chỉnh giá sắn nguyên liệu lên mức 2,35-2,90 Baht/kg, tăng 0,05-0,1 Baht/kg so với cuối tháng 7/2021.



Tại Lào, diện tích trồng sắn niên vụ 2021/22 được nhận định tăng ít nhất khoảng 15% so với niên vụ trước. Năm 2021, Lào đặt mục tiêu sản lượng sắn đạt 2,28 triệu tấn.

## THỊ TRƯỜNG TRONG NƯỚC

Từ đầu tháng 8/2021 đến nay, giá sắn nguyên liệu tại các vùng không có nhiều biến động, nhiều nhà máy sản xuất tại Tây Ninh vẫn ngừng hoạt động, nguồn cung sắn khan hiếm do ảnh hưởng bởi giãn cách xã hội. Xuất khẩu tinh bột sắn thấp do nhu cầu của Trung Quốc vẫn chậm. Trong khi đó, nắng nóng gay gắt kéo dài khiến nhiều diện tích sắn trồng mới tại khu vực miền Trung, Tây Nguyên bị héo hoặc chết khô.

Tại Bình Định, bệnh khảm lá trên cây sắn lan rộng tại nhiều địa phương trong tỉnh Bình Định làm giảm năng suất và chất lượng củ sắn. Hiện nay, tổng diện tích trồng sắn của nông dân tại Bình Định ở cả hai vụ Đông Xuân và Hè Thu trên 10.000 ha. Do thời tiết nắng nóng kéo dài, bệnh khảm lá càng làm cho cây sắn cằn cỗi. Bên cạnh đó, các loại côn trùng phát triển

mạnh cũng là nguyên nhân lây lan bệnh trên diện rộng.

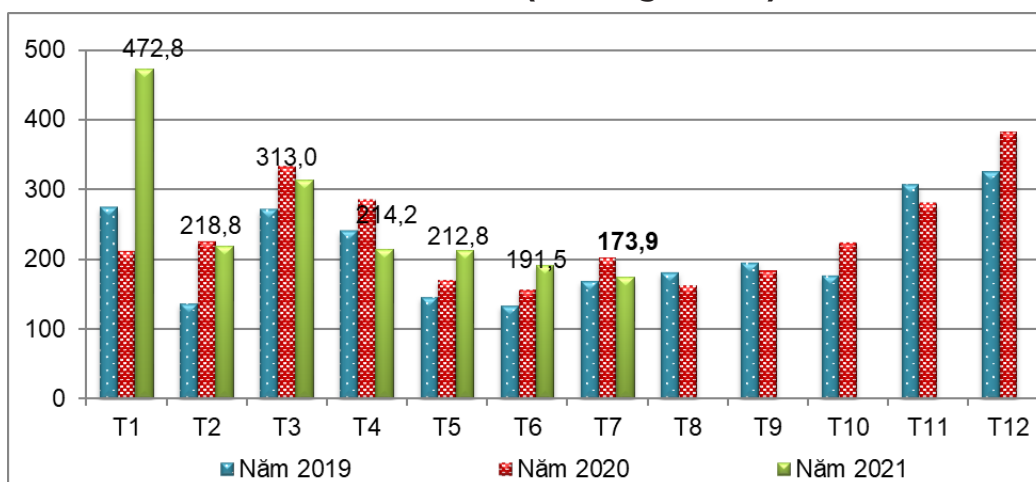
Tại Phú Yên, hiện toàn tỉnh có 16.447 ha sắn bị bệnh khảm lá virus. Cụ thể, huyện Sông Hinh có 6.000 ha sắn bị bệnh, Đồng Xuân 4.250 ha, Sơn Hòa 4.420 ha, Tây Hòa 1.750 ha, Phú Hòa 25 ha, Tuy An 2 ha. Trong đó, diện tích sắn bị nhiễm bệnh nhẹ từ 5-15% khoảng 2.900 ha; diện tích nhiễm bệnh ở mức độ trung bình từ 15-30% là hơn 6.100 ha và gần 7.400 ha sắn bị nhiễm bệnh rất nặng với tỉ lệ bệnh từ 50-100%. Cây sắn đang trong giai đoạn phát triển thân, lá, tích lũy tinh bột, vì vậy nếu bệnh tiếp tục phát tán sẽ ảnh hưởng rất lớn đến củ sắn sau này. Ngành Nông nghiệp khuyến cáo người dân tăng cường chăm sóc, làm cỏ, bón phân giúp cây sinh trưởng tốt, chống chịu bệnh khảm lá, hạn chế ảnh hưởng đến năng suất.

## TÌNH HÌNH XUẤT KHẨU SẴN VÀ CÁC SẢN PHẨM TỪ SẴN CỦA VIỆT NAM

Theo số liệu thống kê của Tổng cục Hải quan Việt Nam, trong 15 ngày đầu tháng 8/2021, xuất khẩu sắn và các sản phẩm từ sắn đạt 95,17 nghìn tấn, trị giá 41,62 triệu USD, giảm 7,9% về lượng và giảm 0,9% về trị giá so với 15 ngày cuối tháng 7/2021; so với 15 ngày đầu tháng 8/2020 tăng 17,5% về lượng và tăng 41,4% về trị giá. Lũy kế từ đầu năm đến ngày 15/8/2021, xuất khẩu sắn và các sản phẩm từ sắn đạt 1,86 triệu tấn, trị giá 725,99 triệu USD, tăng 12,1% về lượng và tăng 26,4% về trị giá so với cùng kỳ năm 2020.

Tháng 7/2021, xuất khẩu sắn và các sản phẩm từ sắn đạt 173,89 nghìn tấn, trị giá 72,52 triệu USD, giảm 9,2% về lượng và giảm 12,8% về trị giá so với tháng 6/2021; so với tháng 7/2020 giảm 14,2% về lượng và giảm 2,5% về trị giá. Giá xuất khẩu bình quân sắn và các sản phẩm từ sắn ở mức 417 USD/tấn, giảm 3,9% so với tháng 6/2021, nhưng tăng 13,7% so với tháng 7/2020. Lũy kế 7 tháng đầu năm 2021, xuất khẩu sắn và các sản phẩm từ sắn đạt 1,76 triệu tấn, trị giá 684,37 triệu USD, tăng 11,8% về lượng và tăng 25,5% về trị giá so với cùng kỳ năm 2020.

**Lượng sắn và các sản phẩm từ sắn xuất khẩu của Việt Nam năm 2019 - 2021 (ĐVT: Nghìn tấn)**



Nguồn: Theo số liệu của Tổng cục Hải quan

Tính riêng mặt hàng sắn, tháng 7/2021, xuất khẩu đạt 47,29 nghìn tấn, trị giá 12,58 triệu USD, tăng 30,4% về lượng và tăng 35,2% về trị giá so với tháng 6/2021; so với tháng 7/2020 tăng 55,7% về lượng và tăng 81,4% về trị giá. Giá xuất khẩu bình quân ở mức 266 USD/tấn, tăng 3,7% so với tháng 6/2021 và tăng 16,5% so với tháng 7/2020. Lũy kế 7 tháng đầu năm 2021, xuất khẩu sắn đạt 648,75 nghìn tấn, trị giá 166,28 triệu USD, tăng 48,2% về lượng và tăng 69,9% về trị giá so với cùng kỳ năm 2020.

Trong tháng 7/2021, xuất khẩu sắn và các sản phẩm từ sắn sang Trung Quốc vẫn là chủ yếu, chiếm 97,2% tổng lượng sắn và các sản phẩm từ sắn của cả nước, với 169,01 nghìn tấn, trị giá 69,71 triệu USD, giảm 4,5% về lượng và giảm 9,2% về trị giá so với tháng 6/2021; so với tháng 7/2020 giảm 11,3% về lượng, nhưng tăng 0,4% về trị giá. Lũy kế 7 tháng đầu năm 2021, Việt Nam xuất khẩu sang Trung Quốc gần 1,65 triệu tấn sắn và các sản phẩm từ sắn, trị giá 636,02 triệu USD, tăng 14,2% về lượng và tăng 28,3% về trị giá so với cùng kỳ năm 2020.

Trong mấy tháng gần đây, Trung Quốc có xu hướng giảm nhập khẩu tinh bột sắn từ



Việt Nam, trong khi tăng nhập khẩu từ Thái Lan và In-đô-nê-xi-a. Điều này cho thấy tinh bột sắn của Việt Nam đang bị cạnh tranh mạnh tại thị trường Trung Quốc. Lượng tiêu thụ của thị trường Trung Quốc có xu hướng giảm gây ra nhiều khó khăn cho các nhà máy sắn Việt Nam.



**Thị trường xuất khẩu sản và sản phẩm từ sản của Việt Nam trong tháng 7  
và 7 tháng đầu năm 2021**

Thị trường	Tháng 7/2021		So với tháng 7/2020 (%)		7 tháng đầu năm 2021		So với 7 tháng năm 2020 (%)	
	Lượng (tấn)	Trị giá (nghìn USD)	Lượng	Trị giá	Lượng (tấn)	Trị giá (nghìn USD)	Lượng	Trị giá
<b>Tổng</b>	<b>173.894</b>	<b>72.522</b>	<b>-14,2</b>	<b>-2,5</b>	<b>1.765.118</b>	<b>684.370</b>	<b>11,8</b>	<b>25,5</b>
Trung Quốc	169.015	69.716	-11,3	0,4	1.648.866	636.026	14,2	28,3
Đài Loan	1.229	609	-64,8	-57,5	19.543	9.462	-21,9	-7,1
Hàn Quốc	610	250	-78,6	-70,4	66.480	22.306	13,8	37
Pa-ki-xtan	340	247	233,3	248,7	2.465	1.766	349,8	433
Ma-lai-xi-a	188	87	-50,3	-48	1.907	937	-90,6	-88,9
Phi-líp-pin	38	20	-97,8	-96,9	4.878	2.222	-31,2	-19,7
Nhật Bản		0	-100	-100	274	168	-86,7	-82,2
Thị trường khác	2.474	1.592	-28,5	-3,6	20.705	11.484	-4,1	11,2

*Nguồn: Tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan Việt Nam*

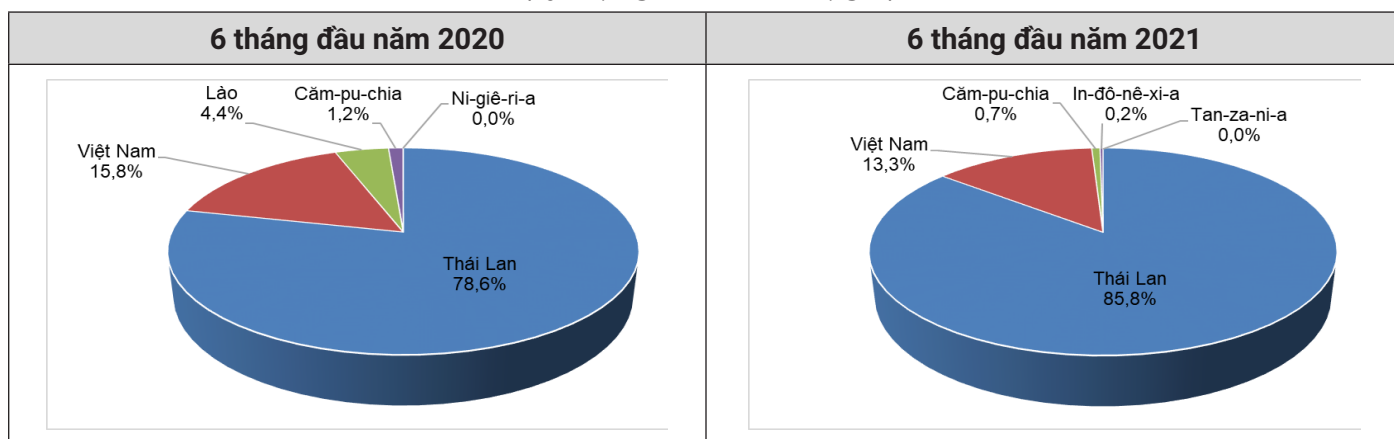


## DUNG LƯỢNG THỊ TRƯỜNG NHẬP KHẨU SẴN VÀ SẢN PHẨM TỪ SẴN CỦA TRUNG QUỐC 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2021, THỊ PHẦN CỦA VIỆT NAM

Sẵn: Theo số liệu thống kê của Cơ quan Hải quan Trung Quốc, trong 6 tháng đầu năm 2021, nhập khẩu sẵn (mã HS 071410) của Trung Quốc đạt 850,36 triệu USD, tăng 93,9% so với cùng kỳ năm 2020. Thái Lan, Việt Nam, Căm-pu-chia, In-đô-nê-xi-a và Tan-za-ni-a là 5 thị trường cung cấp sẵn cho Trung Quốc trong 6

tháng đầu năm 2021. Trong đó, Việt Nam là thị trường cung cấp sẵn lớn thứ 2 cho Trung Quốc trong 6 tháng đầu năm 2021 với 112,95 triệu USD, tăng 62,9% so với cùng kỳ năm 2020. Thị phần sẵn của Việt Nam chiếm 13,3% trong tổng trị giá nhập khẩu sẵn của Trung Quốc, giảm so với mức 15,8% của 6 tháng đầu năm 2020.

### Cơ cấu thị trường cung cấp sẵn (mã HS: 071410) cho Trung Quốc (Tỷ trọng tính theo trị giá)



Nguồn: Tính toán từ số liệu của Cơ quan Hải quan Trung Quốc

Trung Quốc cũng đẩy mạnh nhập khẩu sẵn từ Thái Lan trong 6 tháng đầu năm 2021 với 729,43 triệu USD, tăng tới 111,7% so với cùng kỳ năm 2020, thị phần sẵn của Thái Lan chiếm 85,8% trong tổng trị giá nhập khẩu sẵn của Trung Quốc, tăng mạnh so với mức 78,6% của 6 tháng đầu năm 2020.

Tinh bột sắn: Trong 6 tháng đầu năm 2021, Trung Quốc nhập khẩu 1,73 triệu tấn tinh bột sắn (mã HS 11081400), trị giá 816,41 triệu USD, tăng 16,5% về lượng và tăng 35% về trị giá so với cùng kỳ năm 2020, chủ yếu nhập khẩu từ Thái Lan, Việt Nam, In-đô-nê-xi-a, Lào và Căm-pu-chia. Trong đó, Thái Lan là thị trường lớn nhất cung cấp tinh bột sắn cho Trung Quốc trong 6 tháng

đầu năm 2021, với 1,28 triệu tấn, trị giá 613,11 triệu USD, tăng 54% về lượng và tăng 75,5% về trị giá so với cùng kỳ năm 2020.

Trong 6 tháng đầu năm 2021, Việt Nam là thị trường lớn thứ 2 cung cấp tinh bột sắn cho Trung Quốc, với 252,6 nghìn tấn, trị giá 114,95 triệu USD, giảm 58,2% về lượng và giảm 51,4% về trị giá so với cùng kỳ năm 2020. Thị phần tinh bột sắn của Việt Nam trong tổng nhập khẩu của Trung Quốc trong 6 tháng đầu năm 2021 chiếm 14,6%, giảm mạnh so với mức 40,6% của cùng kỳ năm 2020; trong khi thị phần tinh bột sắn của Thái Lan chiếm 74,1%, tăng mạnh so với mức 56% của cùng kỳ năm 2020.

### Thị trường cung cấp tinh bột sắn cho Trung Quốc trong 6 tháng đầu năm 2021

Thị trường	6 tháng năm 2021		So với 6 tháng năm 2020 (%)		Tỷ trọng tính theo lượng (%)	
	Lượng (tấn)	Trị giá (nghìn USD)	Lượng	Trị giá	6 tháng năm 2020	6 tháng năm 2021
Thái Lan	1.283.869	613.112	54,0	75,5	56,0	74,1
Việt Nam	252.599	114.950	-58,2	-51,4	40,6	14,6
In-đô-nê-xi-a	147.633	65.777			-	8,5
Lào	30.892	14.188	5,3	28,2	2,0	1,8
Căm-pu-chia	17.565	8.141	-15,0	5,4	1,4	1,0
Mi-an-ma	380	154,07				
Đài Loan	76,96	87,52	109,0	108,1		
Nhật Bản	1,00	2,88	-16,7	-54,5		
Hoa Kỳ	0,02	0,1	-90,3	-94,9		
Đức	0,01	0,1	200,0	73,7		

Nguồn: Tính toán từ số liệu của Cơ quan Hải quan Trung Quốc



# THỊ TRƯỜNG THỦY SẢN

▶ Nhu cầu cá ngừ đóng hộp toàn cầu trong nửa đầu năm 2021 thấp hơn so với cùng kỳ năm 2020 do lượng tồn kho của các nhà bán lẻ ở mức cao.

▶ Giá tôm nguyên liệu tại Ê-cu-a-đo và Ấn Độ ổn định và tăng; giá tôm tại Thái Lan giảm.

Xuất khẩu thủy sản của Việt Nam trong nửa đầu tháng 8/2021 đã bị tác động mạnh khi dịch Covid-19 bùng phát mạnh buộc Thành phố Hồ Chí Minh và nhiều tỉnh, thành phố phía Nam phải áp dụng Chỉ thị 16.

▶ Thị phần thủy sản Việt Nam trong tổng lượng nhập khẩu của Hoa Kỳ tăng từ 7,1% trong 6 tháng đầu năm 2020, lên 8,3% trong 6 tháng đầu năm 2021.



## THỊ TRƯỜNG THẾ GIỚI

- Thị trường cá ngừ: Nửa đầu năm 2021, nhu cầu cá ngừ đóng hộp toàn cầu ở mức thấp hơn so với cùng kỳ năm 2020 do lượng tồn kho của các nhà bán lẻ ở mức cao.

Tồn kho cá ngừ đóng hộp ở mức cao do các nhà bán lẻ đẩy mạnh mua vào trong thời điểm đại dịch Covid-19 bùng phát, đã bắt đầu ảnh hưởng tới hoạt động xuất nhập khẩu mặt hàng trong quý cuối cùng của năm 2020 và kéo dài sang năm 2021. Các kho hàng tại các trung tâm phân phối như Hà Lan và Đức chứa đầy các sản phẩm được đóng gói sẵn, chỉ chờ được phân phối đến các siêu thị trên khắp EU. Bên cạnh đó, mức phí vận chuyển đường biển cao chưa từng có đối với các container xuất phát từ Châu Á khiến nhiều người mua quyết định hoãn đơn đặt hàng để chờ phí vận chuyển giảm. Do đó, thương mại toàn cầu cá ngừ đóng hộp giảm mạnh so với trước khi bùng phát dịch Covid-19.

Xuất khẩu cá ngừ đóng hộp của Thái Lan giảm: Lượng cá ngừ đóng hộp xuất khẩu của Thái Lan trong nửa đầu năm 2021 đạt 222,2 nghìn tấn, giảm 25% so với cùng kỳ năm 2020 và giảm 16% với cùng kỳ năm 2019. Trong đó, xuất khẩu cá ngừ đóng hộp của Thái Lan sang Hoa Kỳ trong nửa đầu năm 2021 giảm 36% so

với cùng kỳ năm 2020, đạt 42.615 tấn. Ai Cập là một trong số ít các thị trường tăng nhập khẩu cá ngừ đóng hộp từ Thái Lan trong nửa đầu năm 2021, tăng 20% so với cùng kỳ năm 2020, trở thành thị trường nhập khẩu cá ngừ đóng hộp lớn thứ 2 của Thái Lan. So với năm 2019, xuất khẩu cá ngừ đóng hộp của Thái Lan sang thị trường này cao hơn khoảng 13.000 tấn.

Hiện tại, xuất khẩu cá ngừ đóng hộp của Thái Lan chưa có dấu hiệu phục hồi do giá cước vận chuyển bằng đường biển cao và doanh số bán lẻ vẫn chậm.

Ngành cá ngừ Ê-cu-a-đo hưởng lợi khi chi phí vận chuyển tăng: Theo Chủ tịch Viện Nghiên cứu Quốc gia (CNP) Ê-cu-a-đo, chi phí vận tải đường biển tăng đã trở thành cơ hội cho Ê-cu-a-đo. Thái Lan đang là đối thủ cạnh tranh chính của Ê-cu-a-đo với mặt hàng cá ngừ tại thị trường Hoa Kỳ và Châu Mỹ Latinh. Cước vận chuyển từ Châu Á tới Nam Mỹ cao đã hạn chế đáng kể khả năng cạnh tranh của Thái Lan tại khu vực và mang lại lợi thế cho Ê-cu-a-đo vì nước này có thể giao hàng tới nhiều thị trường bằng xe tải. Trong quý đầu tiên của năm 2021, hoạt động kinh doanh của Ê-cu-a-đo tại khu vực Nam Mỹ đã tăng 21% so với cùng kỳ năm trước.



Pê-ru: Bộ Sản xuất của Pê-ru đã thiết lập các biện pháp bảo tồn cá ngừ mới tuân theo các nghị quyết của Ủy ban Cá ngừ Nhiệt đới Liên Mỹ (IATTC). Theo đó, các tàu lưới vây mang cỡ của Pê-ru có trọng tải 182 tấn và tất cả các tàu câu vàng của Pê-ru dài trên 24m đã bị cấm đánh bắt cá ngừ tại khu vực Đông Thái Bình Dương (EPO).

Tất cả tàu phải thực hiện lệnh cấm này trong 72 ngày, từ ngày 29/7 – 8/10/2021 hoặc từ 9/11/2011 đến ngày 19/01/2022. Các tàu này được phép đánh bắt các loài cá khác ngoài cá ngừ trong thời gian thực hiện lệnh cấm, nhưng phải tuân theo giấy phép khai thác mà họ được cấp.

Ngoài ra, Bộ cũng đình chỉ hoạt động đánh bắt cá ngừ vây vàng, cá ngừ mắt to và cá ngừ vằn trong khu vực từ 96° đến 110° Tây và từ 4° Bắc và 3° Nam, được gọi là “corralito”, từ ngày 09/10 – 08/11/2021.

Các tàu câu tay/câu cần, câu chạy, và lưới vây có trọng tải dưới 182 tấn và các tàu câu vàng có chiều dài dưới 24m không bị áp dụng các biện pháp này, ngoại trừ các biện pháp liên quan đến quản lý các thiết bị dẫn dụ cá (FADs).

Quy định cũng đặt ra giới hạn tổng sản lượng đánh bắt đối với cá ngừ mắt to ở mức 500 tấn cho năm 2021, áp dụng cho tất cả các tàu câu vàng mang cỡ Pê-ru có tổng chiều dài lớn hơn 24 mét đánh bắt ở EPO.

Các tàu câu vàng đăng ký với IATTC phải hạn chế việc đánh bắt ngẫu nhiên cá mập ở mức tối đa 20% tổng sản lượng đánh bắt cho mỗi chuyến đánh bắt tính theo trọng lượng.

- Thị trường tôm: Giá tôm nguyên liệu tại Ê-cu-a-đo và Ấn Độ ổn định hoặc tăng; giá tôm tại Thái Lan giảm. Cụ thể:

Trong tuần từ 9-15/8/2021, giá tôm nguyên liệu của Ê-cu-a-đo tại đầm trung bình ở mức 6,30 USD/kg đối với cỡ 20/30; 5,55 USD/kg đối với cỡ 30/40; 4,90 USD/kg đối với cỡ 40/50; 4,60 USD/kg đối với cỡ 50/60; 4,40 USD/kg đối với cỡ 60/70; 3,70 USD/kg đối với cỡ 70/80; 3,30 USD/kg đối với cỡ 80/100; 2,70 USD/kg đối với cỡ 100/120 và 2 USD/kg đối với cỡ 120/140. Giá tăng 0,2 USD/kg đối với các cỡ 60/70, 70/80 và 80/100, các cỡ còn lại ổn định. Giá tôm ổn định và tăng, nhiều người nuôi tại nước này bắt đầu tăng mật độ thả nuôi và áp dụng công nghệ mới.

So sánh giá tôm Ê-cu-a-đo với giá tôm các nước sản xuất chính khác theo dữ liệu của Undercurrent, giá tôm Ê-cu-a-đo cỡ 50/60 và 60/70 xếp thứ 3 và 4 trong tuần 32, sau giá tôm cỡ 60 con/kg của In-đô-nê-xi-a. Giá tôm Trung Quốc vẫn đạt cao nhất. Giá tại đầm tôm cỡ 60 con của Thái Lan vẫn ở mức thấp nhất kể

từ năm 2018 và giá tôm cỡ 60 con tại Andhra Pradesh, Ấn Độ tiếp tục ở mức thấp nhất so với giá tôm của các nước còn lại.

**Tại Thái Lan:** Giá tôm cỡ 60 con/kg tại Thái Lan đạt 127,5 Bath/kg (tương đương 3,86 USD/kg); giá tôm cỡ 70 và 80 con/kg lần lượt đạt 117,5 Bath/kg (tương đương 3,53 USD/kg) và 107,5 Bath/kg (tương đương 3,23 USD/kg).

**Tại Ấn Độ:** Giá tôm chân trắng nguyên liệu tại bang Andhra Pradesh, Ấn Độ tăng trở lại đối với tất cả các cỡ trong tuần từ 9-15/8/2021, giá tại các bang Gujarat và Tây Bengal vẫn giữ ổn định.

Tại bang Andhra Pradesh, nhiều nông dân ngừng thả nuôi hoặc thu hoạch sớm do dịch bệnh phân trắng trên tôm và có xu hướng chờ diễn biến tiếp theo của thị trường. Giá tôm chân trắng cỡ 30 và 40 con/kg tại Andhra Pradesh tăng trở lại, đạt 460 INR/kg (tương đương 6,19 USD/kg) và 360 INR/kg (tương đương 4,85 USD/kg), giá tôm cỡ 60, 80 và 100 con cũng tăng lên 280 INR/kg (tương đương 3,77 USD/kg), 230 INR/kg (tương đương 3,10 USD/kg) và 200 INR/kg (tương đương 2,69 USD/kg).

Bang Gujarat không bị ảnh hưởng bởi dịch bệnh trên tôm như bang sản xuất chính Andhra Pradesh, nên người nuôi tại đây có thể thả nuôi từ giữa tháng 8/2021. Giá tại đầm tôm chân trắng nguyên liệu tại Tây Bengal ổn định với tất cả các cỡ. Tính theo USD, giá đạt 5,32 USD/kg và 4,24 USD/kg đối với cỡ 30 con và 40 con; 3,36 USD/kg đối với cỡ 60 con và 2,76 USD/kg và 2,36 USD/kg đối với cỡ 80 và 100 con/kg.



## XUẤT KHẨU THỦY SẢN NỬA ĐẦU THÁNG 8/2021 GIẢM MẠNH DO TÁC ĐỘNG CỦA DỊCH COVID-19

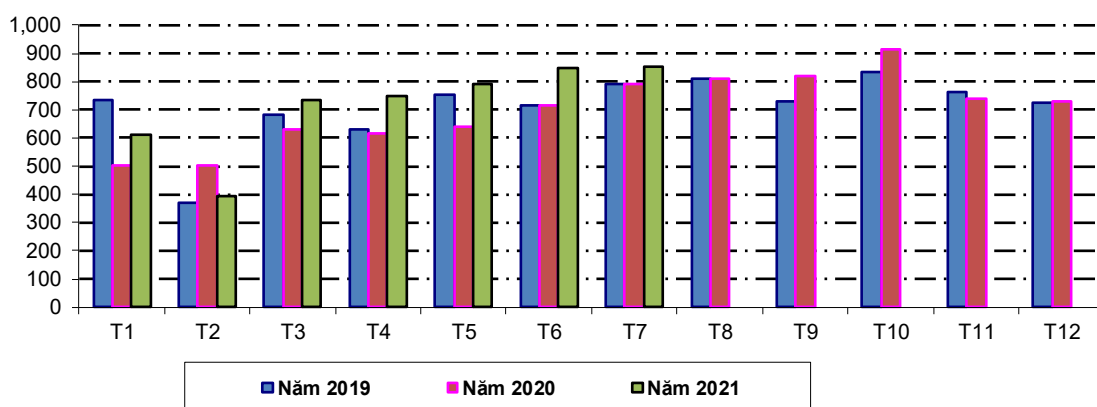
Theo số liệu thống kê của Tổng cục Hải quan, trong nửa đầu tháng 8/2021, xuất khẩu thủy sản của Việt Nam đạt 263,8 triệu USD, giảm 41% so với nửa cuối tháng 7/2021 và giảm 30,1% so với cùng kỳ năm 2020. Lũy kế từ đầu năm đến ngày 15/8/2021, kim ngạch xuất khẩu thủy sản của Việt Nam đạt 5,2 tỷ USD, tăng 9,8% so với cùng kỳ năm 2020. Như vậy, xuất khẩu thủy sản của Việt Nam trong nửa đầu tháng 8/2021 đã bị tác động mạnh khi dịch Covid-19 bùng phát mạnh, buộc Thành phố Hồ

Chí Minh và nhiều tỉnh, thành phố phía Nam phải áp dụng Chỉ thị 16, khiến hoạt động sản xuất và xuất khẩu bị ảnh hưởng.

Trước đó, trong tháng 7/2021, xuất khẩu thủy sản của cả nước đạt 853,77 triệu USD, tăng 0,56% so với tháng 6/2021 và tăng 7,88% so với tháng 7/2020. Tính chung 7 tháng đầu năm 2021, xuất khẩu thủy sản của Việt Nam đạt 4,977 tỷ USD, tăng 13,27% so với cùng kỳ năm 2020, chiếm 2,67% tổng trị giá xuất khẩu hàng hóa của Việt Nam.

### Xuất khẩu thủy sản của Việt Nam năm 2019 – 2021

ĐVT: Triệu USD



Nguồn: Tính toán từ số liệu thống kê của Tổng cục Hải quan

Tháng 7/2021, xuất khẩu thủy sản sang Hoa Kỳ và nhiều nước châu Âu tiếp tục tăng mạnh so với cùng kỳ năm 2020; trong khi xuất khẩu sang khu vực châu Á tăng thấp hoặc giảm. Tính chung 7 tháng đầu năm 2021, xuất khẩu thủy sản sang hầu hết các thị trường lớn đều tăng so với cùng kỳ năm 2020, trừ xuất khẩu sang thị trường Trung Quốc giảm 11,6%.

Tháng 7 và 7 tháng đầu năm 2021, xuất khẩu thủy sản sang thị trường Hoa Kỳ và châu Âu tăng mạnh do các doanh nghiệp tận dụng tốt nhu cầu tăng mạnh trên thị trường, trong khi các nước xuất khẩu khác chịu thiệt hại nặng nề do đại dịch Covid-19. Bên cạnh đó, Hiệp định EVFTA cũng là yếu tố hỗ trợ xuất khẩu thủy sản sang thị trường EU.

Tuy nhiên, trong tháng 8 và tháng 9/2021, xuất khẩu thủy sản của Việt Nam sẽ chậm lại do dịch bùng phát tại các tỉnh phía Nam ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất và xuất khẩu của các doanh nghiệp. Do dịch lây lan mạnh và diễn biến phức tạp, các cơ quan địa phương khuyến nghị doanh nghiệp chỉ duy trì sản xuất nếu có thể đáp ứng yêu cầu 3 tại chỗ (sản xuất tại chỗ, ăn nghỉ tại chỗ, cách ly tại chỗ) và 1 tuyến đường, 2 điểm đến (đưa công nhân đi làm trên



cùng một tuyến đường từ nhà công nhân tới nhà máy). Tuy nhiên, sau một thời gian thực hiện, theo phản ánh từ các doanh nghiệp, các yêu cầu nói trên gây ra rất nhiều khó khăn cho vận hành sản xuất và phát sinh chi phí.

## Thị trường xuất khẩu thủy sản của Việt Nam tháng 7 và 7 tháng năm 2021

Thị trường	Tháng 7/2021 (nghìn USD)	So với tháng 6/2021 (%)	So với tháng 7/2020 (%)	7 tháng năm 2021 (nghìn USD)	So với 7 tháng 2020 (%)
<b>Tổng</b>	<b>853.778</b>	<b>0,6</b>	<b>7,9</b>	<b>4.977.534</b>	<b>13,3</b>
Hoa Kỳ	236.558	0,5	28,3	1.140.397	36,0
Nhật Bản	122.247	-3,8	2,8	802.280	1,7
Trung Quốc	84.052	-7,1	-25,8	521.905	-11,6
Hàn Quốc	71.714	0,5	0,7	437.980	3,6
Anh	37.155	21,6	-10,3	184.578	1,6
Thái Lan	20.726	-5,8	-4,5	153.556	19,8
Úc	21.834	-8,6	23,0	151.812	53,1
Ca-na-đa	23.587	-13,8	8,2	151.391	16,7
Hà Lan	24.812	31,7	11,2	123.972	6,0
Đức	21.219	19,0	26,1	113.319	20,3
Nga	15.052	-0,8	78,7	102.475	66,0
Hồng Kông	13.270	-6,7	12,5	81.343	9,3
Ý	11.688	6,3	22,0	74.681	65,9
Bỉ	14.835	34,8	9,3	71.656	4,4
Ma-lai-xi-a	10.368	3,1	-9,7	68.288	11,3
Thị trường khác	124.661	1,4	16,6	797.901	15,2

Nguồn: Tính toán từ số liệu thống kê của Tổng cục Hải quan

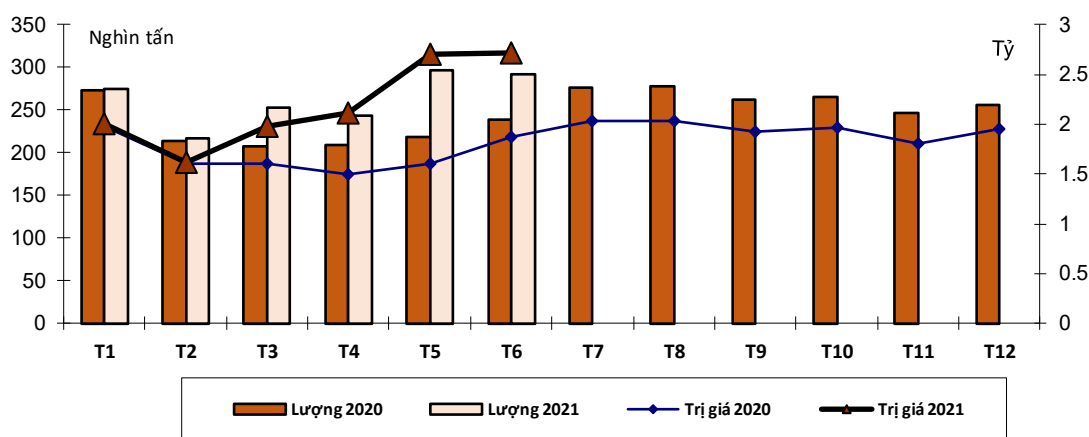
## DUNG LƯỢNG THỊ TRƯỜNG NHẬP KHẨU THỦY SẢN CỦA HOA KỲ NỬA ĐẦU NĂM 2021 VÀ THỊ PHẦN CỦA VIỆT NAM

Theo số liệu thống kê của NMFS, nhập khẩu thủy sản của Hoa Kỳ tháng 6/2021 đạt 292,68 nghìn tấn, trị giá 2,7 tỷ USD, tăng 22,2% về lượng và tăng 44,9% về trị giá so với tháng 6/2020.

Tính chung 6 tháng đầu năm 2021, nhập khẩu thủy sản của Hoa Kỳ đạt 2,7 triệu tấn, trị giá 13,1 tỷ USD, tăng 15,9% về lượng và tăng 29% về trị giá so với cùng kỳ năm 2020.

### Nhập khẩu thủy sản của Mỹ năm 2020 – 2021

ĐVT: Lượng: nghìn tấn; Trị giá: tỷ USD



Nguồn: Tính toán từ số liệu thống kê của NMFS

Trong tháng 6/2021, nhập khẩu tôm vào Hoa Kỳ tăng 45,9% về lượng và tăng 70,9% về trị giá so với cùng kỳ năm 2020; Nhập khẩu cá hồi tăng 5,3% về lượng và tăng 70,9% về trị giá; Nhập khẩu cá tuyết tăng 22,6% về lượng và tăng 18,7% về trị giá; Nhập khẩu cá da trơn

tăng 116,7% về lượng và tăng 105,6% về trị giá.

Tính chung 6 tháng đầu năm 2021, nhập khẩu hầu hết các mặt hàng thủy sản của Hoa Kỳ đều tăng so với cùng kỳ năm 2020, trừ nhập khẩu cá ngừ, cá rô phi, cá tuyết giảm.



**Mặt hàng thủy sản nhập khẩu của Hoa Kỳ tháng 6 và 6 tháng năm 2021**

Mặt hàng	Tháng 6/2021		So với tháng 6/2021 (%)		6 tháng đầu năm 2021		So với 6 tháng đầu năm 2020 (%)	
	Lượng (tấn)	Trị giá (nghìn USD)	Lượng	Trị giá	Lượng (tấn)	Trị giá (nghìn USD)	Lượng	Trị giá
<b>Tổng</b>	<b>292.685</b>	<b>2.705.843</b>	<b>22,2</b>	<b>44,9</b>	<b>1.576.337</b>	<b>13.115.529</b>	<b>15,9</b>	<b>29,0</b>
Tôm	87.952	1.023.233	45,9	70,9	435.744	4.346.352	30,4	38,2
Cá hồi	42.363	463.870	5,3	29,8	252.647	2.588.485	13,3	19,2
Cá ngừ	24.597	161.614	-15,1	3,9	156.752	956.189	-8,3	0,2
Cá rô phi	14.138	49.753	-21,7	-11,4	81.456	279.760	-10,9	-5,9
Cua	13.283	369.425	-26,9	17,7	58.633	1.618.606	20,5	77,5
Cá tuyết	12.961	77.166	22,6	18,7	69.484	410.222	-0,6	-2,1
Cá da trơn	9.404	26.962	116,7	105,6	58.962	159.857	41,4	26,7
Mực	7.788	39.809	254,2	239,4	31.056	169.143	42,2	43,0
Cá trích	6.457	19.637	17,4	-1,0	42.995	132.372	30,6	10,9
Bạch tuộc	2.748	24.030	363,7	546,2	12.992	101.451	52,4	76,2
Ghẹ	2.081	55.335	45,4	131,6	12.365	293.946	8,6	29,5
Nghêu	2.018	7.276	127,1	87,3	9.192	30.516	26,4	26,3
Cá nục	1.913	19.396	140,7	152,8	13.893	136.561	24,6	39,6
Điệp	2.497	29.537	153,6	101,8	13.019	149.284	72,2	65,7
Cá biển	6.414	15.981	46,0	66,0	32.302	81.034	27,0	41,3
Trai	3.991	13.733	71,5	61,6	18.811	62.581	21,0	3,7
Rong biển	2.306	8.653	14,1	21,3	11.479	43.269	-11,4	0,5
Mặt hàng khác	49.773	300.433	32,0	52,7	264.557	1.555.901	16,9	24,9

Nguồn: Tính toán từ số liệu thống kê của NMFS

Tháng 6 và 6 tháng đầu năm 2021, Ca-na-đa, Chi-lê, Ấn Độ, In-đô-nê-xi-a, Ê-cu-a-đo, Việt Nam và Trung Quốc là các thị trường cung cấp thủy sản lớn nhất cho Hoa Kỳ.

Trong 6 tháng đầu năm 2021, Việt Nam là thị trường cung cấp thủy sản lớn thứ 5 cho

Hoa Kỳ, đạt 130,5 nghìn tấn, trị giá 751,4 triệu USD, tăng 35,7% về lượng và tăng 33,4% so với cùng kỳ năm 2020. Thị phần thủy sản Việt Nam trong tổng lượng nhập khẩu của Hoa Kỳ tăng từ 7,1% trong 6 tháng đầu năm 2020, lên 8,3% trong 6 tháng đầu năm 2021.

**Thị trường cung cấp thủy sản cho Hoa Kỳ tháng 6 và 6 tháng năm 2021**

Thị trường	Tháng 6/2021		So với tháng 6/2020 (%)		6 tháng năm 2021		So với 6 tháng năm 2020 (%)		Tỷ trọng theo lượng (%)	
	Lượng (tấn)	Trị giá (nghìn USD)	Lượng	Trị giá	Lượng (tấn)	Trị giá (nghìn USD)	Lượng	Trị giá	6 tháng năm 2021	6 tháng năm 2020
<b>Tổng</b>	<b>292.685</b>	<b>2.705.843</b>	<b>22,2</b>	<b>44,9</b>	<b>1.576.337</b>	<b>13.115.529</b>	<b>15,9</b>	<b>29,0</b>	<b>100,0</b>	<b>100,0</b>
Ca-na-đa	42.032	800.589	4,1	49,6	174.447	2.607.294	26,7	72,4	11,1	10,1
Chi-lê	21.347	230.528	-1,9	35,9	142.470	1.317.769	7,2	17,4	9,0	9,8
Ấn Độ	27.452	223.659	121,2	110,1	155.270	1.289.967	30,6	28,4	9,9	8,7
In-đô-nê-xi-a	20.438	190.456	3,4	15,5	129.276	1.161.310	7,6	10,9	8,2	8,8
Ê-cu-a-đo	26.185	185.520	75	113	111.903	747.061	63,7	81,8	7,1	5,0
Việt Nam	24.661	159.159	70,3	67,7	130.573	751.445	35,7	33,4	8,3	7,1
Trung Quốc	33.172	142.296	-3,9	5,1	178.514	734.445	-7,8	-6,2	11,3	14,2
Na Uy	9.878	99.793	25,8	46,5	53.685	537.240	13,8	24,9	3,4	3,5
Thái Lan	14.862	87.954	-19,4	-19,4	102.431	588.301	-9,3	-5,0	6,5	8,3
Nga	2.689	57.733	-1,1	4,4	21.125	491.168	27,6	39,3	1,3	1,2
Thị trường khác	69.969	528.156	34,0	54,7	376.643	2.889.529	19,3	24,5	23,9	23,2

Nguồn: Tính toán từ số liệu thống kê của NMFS

# THỊ TRƯỜNG GỖ VÀ SẢN PHẨM GỖ

- ▶ Ngành công nghiệp đồ nội thất của Ma-lai-xi-a đang bị ảnh hưởng nặng nề bởi lệnh giãn cách nhằm ngăn chặn dịch Covid-19 lây lan.
- ▶ Thị phần đồ nội thất bằng gỗ của Việt Nam tăng trong tổng nhập khẩu của Úc.
- ▶ Trong 7 tháng đầu năm 2021, kim ngạch xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ đạt 9,58 tỷ USD, tăng 54,8% so với cùng kỳ năm 2020. Trong đó, kim ngạch xuất khẩu sản phẩm gỗ đạt 7,45 tỷ USD, tăng 64,2% so với cùng kỳ năm 2020.

## THỊ TRƯỜNG GỖ VÀ SẢN PHẨM GỖ THẾ GIỚI

**Ma-lai-xi-a:** Theo Trung tâm Thương mại Quốc tế (ITC), xuất khẩu đồ nội thất bằng gỗ của Ma-lai-xi-a trong tháng 5/2021 đạt 219,6 triệu USD, tăng 70,4% so với tháng 5/2020. 5 tháng đầu năm 2021, trị giá xuất khẩu đồ nội thất bằng gỗ đạt 1,24 tỷ USD, tăng 63,6% so với cùng kỳ năm 2020.

Ma-lai-xi-a xuất khẩu đồ nội thất bằng gỗ chủ yếu tới thị trường Hoa Kỳ trong 5 tháng đầu năm 2021, đạt 773,7 triệu USD, tăng 71,8% so với cùng kỳ năm 2020, chiếm 62,5% tổng trị giá xuất khẩu đồ nội thất bằng gỗ của Ma-lai-xi-a. Tiếp theo là các thị trường như: Nhật Bản, Anh, Úc, Xin-ga-po...

Xuất khẩu đồ nội thất bằng gỗ của Ma-lai-xi-a đang rất khả quan, nhưng theo nguồn theSunday.my, các công ty sản xuất đồ nội thất nước này phải ngừng hoạt động do lệnh giãn cách xã hội kéo dài để ngăn chặn dịch Covid-19. Ngành công nghiệp nội thất của Ma-lai-xi-a đã thiệt hại khoảng 1,6 tỷ RM (tương

đương 377 triệu USD) kể từ khi lệnh tăng cường kiểm soát di chuyển và các nhà máy bị cấm hoạt động từ ngày 1/6/2021.

Theo ước tính, ngành công nghiệp đồ nội thất của Ma-lai-xi-a có thể mất khoảng 1 tỷ RM/tháng (tương đương 236 triệu USD/tháng) nếu tình trạng giãn cách không được cải thiện. Lệnh giãn cách khiến các nhà sản xuất không thể đáp ứng đơn đặt hàng của khách hàng, dẫn tới tình trạng khách hàng buộc phải hủy đơn đặt hàng và chuyển sang mua đồ nội thất từ các quốc gia khác. Điều này tác động tiêu cực tới các nhà sản xuất đồ nội thất của Ma-lai-xi-a. Có khoảng 3.500 doanh nghiệp xuất khẩu đồ nội thất ở Ma-lai-xi-a, trong đó 85% là các doanh nghiệp vừa và nhỏ, tình trạng giãn cách kéo dài sẽ khiến các doanh nghiệp này đóng cửa. Ma-lai-xi-a là 1 trong 10 nhà sản xuất đồ nội thất hàng đầu thế giới, và việc đóng cửa kéo dài sẽ ảnh hưởng nặng nề đến ngành công nghiệp này.



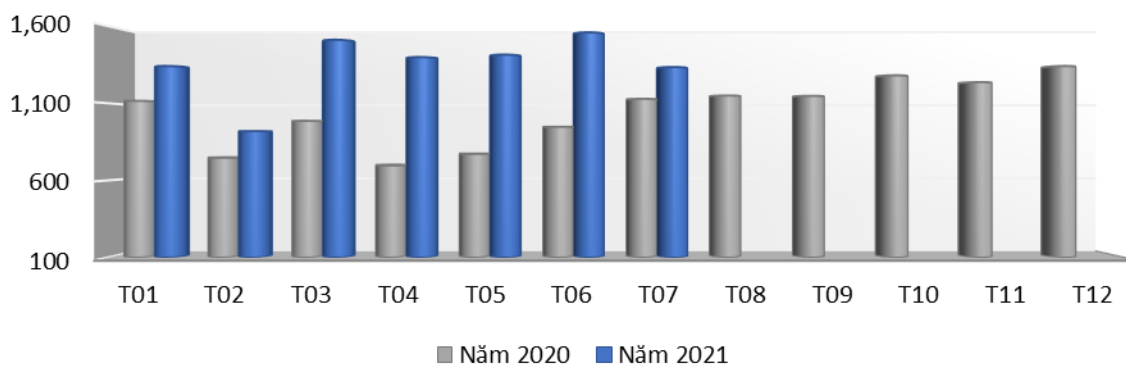
## TÌNH HÌNH XUẤT KHẨU GỖ VÀ SẢN PHẨM GỖ

Theo số liệu thống kê từ Tổng cục Hải quan, kim ngạch xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ trong tháng 7/2021 đạt 1,33 tỷ USD, tăng 17,1% so với tháng 7/2020. Trong đó, kim ngạch xuất khẩu sản phẩm gỗ đạt 1,03 tỷ USD, tăng 12,3% so với tháng 7/2020. Tính chung trong 7 tháng đầu năm 2021, kim ngạch xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ đạt 9,58 tỷ USD, tăng 54,8% so với cùng kỳ năm 2020. Trong đó, kim ngạch xuất

khẩu sản phẩm gỗ đạt 7,45 tỷ USD, tăng 64,2% so với cùng kỳ năm 2020.

Xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ tháng 7/2021 giảm tốc so với tháng trước do ảnh hưởng bởi tình hình dịch bệnh Covid-19 đang diễn biến phức tạp và lan rộng ở trong nước và các quốc gia châu Á, khiến các doanh nghiệp ngành gỗ phải đối mặt với tình trạng ngưng trệ sản xuất, hoạt động xuất khẩu bị gián đoạn.

**Trị giá xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ qua các tháng năm 2020 – 2021**  
(ĐVT: Tỷ USD)



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Triển vọng xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ từ nay tới cuối năm rất khả quan, bởi các thị trường xuất khẩu chính như Hoa Kỳ và các quốc gia EU đang bắt đầu trong quá trình phục hồi sau dịch Covid-19, vì vậy nhu cầu tiêu thụ đồ gỗ sẽ tăng cao đáp ứng cho nhu cầu xây dựng tăng mạnh tại các thị trường này. Tuy nhiên, tình hình dịch Covid-19 đang diễn biến khó lường tại thị trường trong nước, khiến hoạt động sản xuất và xuất khẩu của các doanh nghiệp bị đình trệ, điều này sẽ làm cản trở đà tăng trưởng của ngành gỗ trong thời gian tới.

Trong tháng 7/2021, mặc dù xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ sang các thị trường chính giảm tốc so với tháng trước, nhưng tính chung trong 7 tháng đầu năm 2021, trị giá xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ tới các thị trường chính vẫn tăng mạnh, cụ thể: Thị trường Hoa Kỳ đạt 5,89 tỷ USD, tăng 78% so với cùng kỳ năm 2020; Trung Quốc đạt 923,5 triệu USD, tăng 24,8%; Nhật Bản đạt 834,7 triệu USD, tăng 18,7%; Hàn Quốc đạt 534,5 triệu USD, tăng 17%; Anh đạt 174,4 triệu USD, tăng 49,4%...

**Thị trường xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ tháng 7 và 7 tháng đầu năm 2021**

Mặt hàng	Tháng 7/2021 (Nghìn USD)	So với tháng 7/2020 (%)	7 tháng năm 2021 (Nghìn USD)	So với 7 tháng 2020 (%)	Tỷ trọng 7 tháng (%)	
					Năm 2021	Năm 2020
<b>Tổng</b>	<b>1.333.391</b>	<b>17,1</b>	<b>9.576.015</b>	<b>54,8</b>	<b>100,0</b>	<b>100,0</b>
Hoa Kỳ	840.939	18,2	5.891.871	78,0	61,5	53,5
Trung Quốc	109.322	9,7	923.497	24,8	9,6	12,0
Nhật Bản	128.881	26,0	834.716	18,7	8,7	11,4
Hàn Quốc	81.128	46,7	534.451	17,0	5,6	7,4
Anh	27.545	29,5	174.392	49,4	1,8	1,9
Canada	25.632	4,6	156.703	49,5	1,6	1,7
Úc	14.371	-19,4	99.474	24,9	1,0	1,3
Đức	8.129	20,8	80.251	16,7	0,8	1,1
Pháp	8.977	10,7	78.410	29,5	0,8	1,0
Ma-lai-xi-a	7.467	-5,8	66.789	85,5	0,7	0,6
Thị trường khác	81.000	-3,1	735.460	44,5	7,7	8,2

Nguồn: Tính toán từ số liệu thống kê của Tổng cục Hải quan



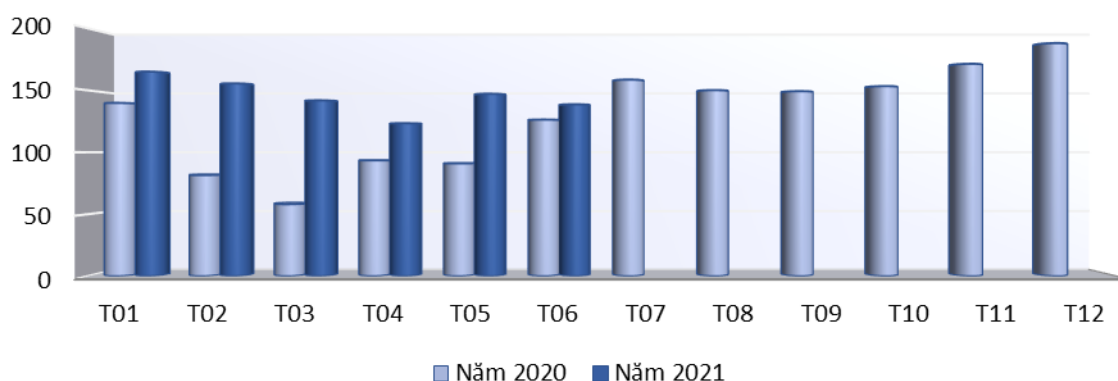


## DUNG LƯỢNG THỊ TRƯỜNG NHẬP KHẨU ĐỒ NỘI THẤT BẰNG GỖ CỦA ÚC VÀ THỊ PHẦN CỦA VIỆT NAM

Theo số liệu thống kê từ Trung tâm Thương mại Quốc tế (ITC), trị giá nhập khẩu đồ nội thất bằng gỗ của Úc trong tháng 6/2021 đạt 138,64 triệu USD, tăng 9,7% so với tháng 6/2020. Trong 6 tháng đầu năm 2021, trị giá nhập khẩu đồ nội thất bằng gỗ của Úc đạt 871,54 triệu USD, tăng 47,7% so với cùng kỳ năm 2020.

Nhu cầu nhập khẩu đồ nội thất bằng gỗ của Úc tăng cao là do trong giai đoạn dịch bệnh bùng phát, người tiêu dùng Úc hạn chế đi lại và tích lũy nhiều tiền mặt hơn, muốn cải tạo, sửa chữa và thay thế đồ nội thất trong gia đình. Cùng với đó, thị trường nhà ở hoạt động mạnh mẽ cũng thúc đẩy nhu cầu tiêu thụ đồ nội thất tại Úc tăng cao.

**Úc nhập khẩu đồ nội thất bằng gỗ qua các tháng năm 2020 - 2021**  
(ĐVT: Triệu USD)



Nguồn: ITC

Việt Nam là thị trường cung cấp đồ nội thất bằng gỗ lớn thứ 2 cho Úc, kim ngạch trong 6 tháng đầu năm 2021 đạt 103,1 triệu USD, tăng 72,1% so với cùng kỳ năm 2020. Tỷ trọng nhập khẩu từ Việt Nam chiếm 11,8% tổng trị giá nhập khẩu đồ nội thất bằng gỗ của Úc, tăng 1,7 điểm

phần trăm so với cùng kỳ năm 2020. Tốc độ tăng trưởng cao, nhưng tỷ trọng nhập khẩu từ Việt Nam vẫn còn thấp, do đó còn nhiều cơ hội để các doanh nghiệp của Việt Nam đẩy mạnh xuất khẩu mặt hàng này trong thời gian tới.

### Thị trường cung cấp đồ nội thất bằng gỗ cho Úc trong tháng 6 và 6 tháng đầu năm 2021

Thị trường	Tháng 6/2021 (nghìn USD)	So với tháng 6/2020 (%)	6 tháng năm 2021 (nghìn USD)	So với 6 tháng năm 2020 (%)	Tỷ trọng 6 tháng (%)	
					Năm 2021	Năm 2020
<b>Tổng</b>	<b>138.638</b>	<b>9,7</b>	<b>871.540</b>	<b>47,7</b>	<b>100,0</b>	<b>100,0</b>
Trung Quốc	95.076	-0,7	587.023	44,1	67,4	69,0
Việt Nam	16.009	39,1	103.181	72,1	11,8	10,2
Ma-lai-xi-a	7.981	17,4	60.014	68,2	6,9	6,0
In-đô-nê-xi-a	3.986	54,6	29.754	76,0	3,4	2,9
Ý	4.957	175,5	23.227	9,9	2,7	3,6
Ấn Độ	2.021	246,1	17.519	134,1	2,0	1,3
Thái Lan	1.579	80,0	8.266	22,0	0,9	1,1
Ba Lan	950	-20,0	5.736	1,0	0,7	1,0
Đài Loan	137	-53,6	3.442	80,4	0,4	0,3
Niu-Di-Lân	776	100,5	3.271	59,4	0,4	0,3
Thị trường khác	5.166	13,9	30.107	18,9	3,5	4,3

Nguồn: ITC

Úc tăng nhập khẩu hầu hết các mặt hàng đồ nội thất bằng gỗ trong 6 tháng đầu năm 2021, trừ mặt hàng đồ nội thất nhà bếp. Trong đó, dẫn đầu là mặt hàng ghế khung gỗ đạt 358,14 triệu USD, tăng 66,3% so với cùng kỳ năm 2020, chiếm 41,1% tổng trị giá nhập khẩu đồ nội thất bằng gỗ của Úc.

Tiếp theo là mặt hàng đồ nội thất phòng khách và phòng ăn đạt 280,7 triệu USD, tăng 46,5% so với cùng kỳ năm 2020, chiếm 32,2% tổng trị giá nhập khẩu đồ nội thất bằng gỗ. Trong đó, Úc nhập khẩu mặt hàng này chủ yếu từ Trung Quốc, Việt Nam, In-đô-nê-xi-a và Ấn Độ.



### Úc nhập khẩu mặt hàng đồ nội thất bằng gỗ tháng 6 và 6 tháng đầu năm 2021

Mã HS	Tên hàng	Tháng 6/2021 (nghìn USD)	So với tháng 6/2020 (%)	6 tháng 2021 (nghìn USD)	So với 6 tháng 2020 (%)	Tỷ trọng 6 tháng (%)	
						Năm 2021	Năm 2020
<b>Tổng</b>		<b>138.638</b>	<b>9,7</b>	<b>871.540</b>	<b>47,7</b>	<b>100,0</b>	<b>100,0</b>
940161+ 940169	Ghế khung gỗ	58.439	30,2	358.144	66,3	41,1	36,5
940360	Đồ nội thất phòng khách và phòng ăn	43.667	8,1	280.670	46,5	32,2	32,5
940350	Đồ nội thất phòng ngủ	24.626	-2,3	170.019	42,3	19,5	20,2
940340	Đồ nội thất nhà bếp	6.897	-16,5	34.914	-10,2	4,0	6,6
940330	Đồ nội thất văn phòng	5.009	-33,9	27.793	11,9	3,2	4,2

Nguồn: ITC



## KHUYẾN CÁO CÁC DOANH NGHIỆP TRONG VIỆC VẬN CHUYỂN HÀNG HÓA LÊN BIÊN GIỚI



Trong bối cảnh dịch Covid-19 tiếp tục diễn biến phức tạp, các cơ quan quản lý cửa khẩu của cả Trung Quốc và Việt Nam đều đã phải tăng cường các biện pháp phòng chống dịch bệnh. Cho tới nay, nhờ nỗ lực của cả hai bên, hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa về cơ bản vẫn được duy trì, nhưng tiến độ thông quan không được như trước đây do phải tuân thủ nghiêm ngặt các quy định về an toàn phòng dịch. Trước tình hình đó, để tạo thuận lợi cho công tác thông quan, tránh tình trạng ùn tắc, tổn đọng hàng hóa, phương tiện tại các cửa khẩu trên địa bàn các tỉnh biên giới phía Bắc, ngày 20/8/2021, Bộ Công Thương đã ban hành công văn số 5067/BCT-XNK đề nghị các Hiệp hội xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa; Hiệp hội Doanh nghiệp Dịch vụ Logistics Việt Nam:

1. Chuyển nhanh, chuyển mạnh hoạt động xuất khẩu hàng hóa đi thị trường Trung Quốc sang hình thức chính ngạch. Thực tiễn cho thấy hàng hóa xuất khẩu chính ngạch (mua

bán theo hợp đồng; với người nhận và các điều kiện giao hàng rõ ràng; giao hàng tại cửa khẩu quốc tế, cửa khẩu chính; quy cách hàng hóa và bao bì đáp ứng quy định của nước nhập khẩu) có khả năng thông quan thuận lợi hơn rất nhiều so với hàng hóa vận chuyển lên biên giới để xuất khẩu theo hình thức trao đổi cư dân tại các cặp chợ đường biên.

2. Trường hợp vì lý do khách quan nên chưa thể chuyển ngay sang xuất khẩu chính ngạch, đề nghị chỉ vận chuyển hàng lên biên giới khi đã có thỏa thuận với khách mua hàng (địa chỉ tiêu thụ rõ ràng). Đối với nông sản, cần phối hợp với bên mua để phân loại, đóng gói, sử dụng bao bì, nhãn mác phù hợp với yêu cầu của thị trường nhập khẩu ngay tại khâu sản xuất, đáp ứng các quy định về tiêu chuẩn chất lượng, vệ sinh an toàn thực phẩm, truy xuất nguồn gốc và mã số vùng trồng để giúp đẩy nhanh tiến độ thông quan.



# Đề xuất Hướng dẫn về việc thiết lập luồng vận tải ưu tiên cho **NÔNG SẢN XUẤT KHẨU VÀ QUY TRÌNH PHÒNG, CHỐNG COVID-19 TẠI CÁC CỬA KHẨU QUỐC TẾ ĐƯỜNG BIỂN**

Đợt dịch COVID-19 mới do biến chủng Delta gây ra vẫn đang diễn biến hết sức phức tạp tại nhiều quốc gia cũng như trong nước. Nhiều tỉnh, thành phố đã phải áp dụng biện pháp giãn cách xã hội theo Chỉ thị số 16/CT-TTg ngày 31 tháng 3 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ. Để tạo thuận lợi cho các cá nhân, tổ chức liên quan trong tuân thủ, áp dụng quy định phòng, chống dịch COVID-19, vừa ứng phó với những biến đổi phức tạp, khó lường của biến chủng Delta, vừa hạn chế thấp nhất thời gian dừng hoạt động của các cảng biển quốc tế trong trường hợp phát hiện nhân sự bị nhiễm Covid-19, đồng thời đảm bảo lưu thông thông suốt cho nông sản xuất khẩu, giảm ùn tắc tại các chốt kiểm dịch cũng như rút ngắn thời gian vận chuyển, thúc đẩy tiêu thụ nông sản hàng hóa cho người nông dân, Bộ Công Thương đã ban hành: (i) Văn bản số 4731/BCT-AP ngày 05 tháng 8 năm 2021 gửi Bộ trưởng Bộ Y tế đề xuất nghiên cứu, ban hành **Hướng dẫn công**

**tác kiểm dịch y tế phòng, chống lây nhiễm COVID-19 đối với phương tiện và người điều khiển phương tiện vận chuyển hàng hóa tại các cửa khẩu quốc tế đường biển;** (ii) Văn bản số 4902/BCT-AP ngày 13 tháng 8 năm 2021 gửi Ban Chỉ đạo quốc gia phòng, chống dịch bệnh COVID-19 đề xuất nghiên cứu, ban hành **Hướng dẫn thiết lập luồng vận tải ưu tiên (“luồng xanh”) cho vận chuyển nông sản xuất khẩu trong bối cảnh dịch COVID-19.**

Cục Xuất nhập khẩu - Bộ Công Thương gửi nội dung các văn bản nêu trên đến Các Hiệp hội xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa; Hiệp hội Doanh nghiệp Dịch vụ Logistics Việt Nam; Sở Công Thương các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, đề nghị cùng nghiên cứu để đề xuất, kiến nghị Ban Chỉ đạo quốc gia phòng, chống dịch bệnh COVID-19 và các Bộ, ngành liên quan nhằm triển khai áp dụng thống nhất trên phạm vi toàn quốc.

## ĐỀ XUẤT THÁO GỠ KHÓ KHĂN CHO TIÊU THỤ THÓC, GẠO HÀNG HOÁ TRONG BỐI CẢNH DỊCH COVID-19

Hiện nay, 19 tỉnh/thành phố phía Nam đang áp dụng biện pháp giãn cách xã hội theo Chỉ thị số 16/CT-TTg ngày 31/3/2020 của Thủ tướng Chính phủ về thực hiện biện pháp cấp bách phòng, chống dịch Covid -19 (Chỉ thị 16) và theo văn bản số 969/TTg-KGVX ngày 17/07/2021 của Thủ tướng Chính phủ kể từ 0 giờ 00 ngày 19/07/2021. Trong khi đó, các tỉnh/thành phố khu vực Đồng bằng Sông Cửu Long (ĐBSCL) đã bước vào thời điểm chính vụ thu hoạch lúa Hè Thu 2021.

Để góp phần hỗ trợ, tháo gỡ khó khăn cho các thương nhân, doanh nghiệp, người sản xuất, kinh doanh thóc, gạo trong bối cảnh dịch Covid -19, ngày 12/8/2021, Bộ Công Thương đã tổ chức cuộc họp với Hiệp hội Lương thực Việt Nam (VFA) và các thương nhân kinh doanh xuất khẩu gạo. Trên cơ sở thông tin tại cuộc họp, Bộ Công Thương đã có công văn báo cáo Thủ tướng Chính phủ về tình hình tiêu thụ thóc, gạo hàng hoá tại các tỉnh/thành phố phía Nam trong bối cảnh dịch Covid-19 như sau:

### 1. Tình hình sản xuất lúa gạo nội địa và xuất khẩu gạo

#### a) Thị trường lúa gạo trong nước

Theo số liệu của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, tính đến ngày 12/08/2021, vụ

Hè Thu tại các tỉnh/thành phố khu vực ĐBSCL đã thu hoạch được 780 nghìn ha với năng suất khoảng 5,8 tấn/ha, sản lượng đạt khoảng 4,524 triệu tấn. Dự kiến thu hoạch rộ trong tháng 8 và dứt điểm khoảng vào giữa tháng 9/2021.

#### b) Hoạt động xuất khẩu gạo

Theo số liệu tổng hợp, kết quả xuất khẩu gạo Việt Nam lũy kế 7 tháng đầu năm 2021 đạt số lượng 3,492 triệu tấn, trị giá 1,888 tỷ USD, giá bình quân 540,68 USD/tấn; so với cùng kỳ năm 2020 về số lượng giảm 12,69%, về trị giá giảm 3,10% và giá bình quân tăng 53,5 USD/tấn.

VFA dự kiến cả năm 2021, Việt Nam sẽ xuất khẩu khoảng 6,0 - 6,2 triệu tấn gạo các loại, trị giá đạt khoảng 3,325 tỷ USD.

### 2. Những khó khăn, vướng mắc trong chuỗi giá trị sản xuất, tiêu thụ, chế biến và xuất khẩu của ngành nông nghiệp gạo Việt Nam

Việc áp dụng Chỉ thị 16 tại 19 tỉnh/thành phố phía Nam đã dẫn đến tình trạng tắc nghẽn lưu thông lúa hàng hóa từ ruộng về nhà máy và từ nhà máy ra các cảng xuất khẩu. Cụ thể là:

a) Đối với vấn đề lưu thông hàng hóa và tổ chức sản xuất của các thương nhân

- Khó khăn trong việc thu hoạch lúa tươi vụ Hè Thu tại ruộng

Thiếu hụt trầm trọng lực lượng lao động thời vụ trên đồng, từ người đi thu mua cho đến người gặt lúa, bốc vác xuống ghe. Các ghe vận chuyển lúa không thể di chuyển từ vùng này sang vùng khác, đặc biệt là giữa các địa phương.

- Khó khăn trong khâu chế biến thóc hàng hóa

Vụ Hè Thu thu hoạch rộ ngay thời điểm mưa nhiều nên lúa phải được sấy bằng thiết bị sấy. Tuy nhiên, việc vận chuyển lúa từ ruộng đến nhà máy bị gián đoạn, dẫn đến tình trạng ứ đọng lúa tươi chưa được xử lý, làm giảm chất lượng gạo. Các thương nhân thiếu hụt nguồn nguyên liệu chế biến gạo thành phẩm, ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện các hợp đồng xuất khẩu đã ký kết trước đó.

Đối với những nhà máy tổ chức sản xuất theo hình thức “3 tại chỗ”, năng suất hoạt động giảm hẳn, chỉ duy trì từ 50% trở xuống do thiếu hụt lực lượng nhân công.

Các thương nhân dù đã áp dụng hình thức “1 cung đường, 2 địa điểm” cho nhà máy sản xuất, chế biến. Tuy nhiên, do bị giới hạn bởi khung giờ không được ra đường (18 giờ 00 - 6 giờ 00) nên một số hoạt động bị gián đoạn qua ngày, làm cho chất lượng gạo neo trên ghe/sà lan qua đêm bị sụt giảm.

Đối với các nhà máy/kho chứa có ca nhiệm: Các cơ quan y tế áp dụng biện pháp phong tỏa theo quy định (thời gian quá dài đối với nhà máy sản xuất, chế biến mặt hàng lương thực chính là gạo) đã vô tình gây đứt gãy chuỗi sản xuất của các thương nhân.

Tại một số địa phương chưa thống nhất được phương án xét nghiệm tại nhà máy. Có trường hợp phản ánh nhà máy phải thực hiện việc xét nghiệm đến 2-3 lần/tuần của nhiều cơ quan cấp huyện, xã.

Các cảng giảm công suất hoạt động (trong đó có Bến 125 tại Tân Cảng Cát Lái là một trong những bến xuất gạo bằng container chính của khu vực TP. Hồ Chí Minh đã ngừng hoạt động gần 1 tháng nay) nên một số thương nhân phải đưa container về đóng tại kho/trên sà lan. Do đó, tiến độ giao hàng bị chậm trễ, hãng tàu phạt, chi phí tăng. Thực tế cho thấy đây chỉ có thể là giải pháp tình thế và chỉ áp dụng được đối với các kho gần cảng xuất.

- Khó khăn trong khâu vận chuyển từ nhà máy chế biến đến các cảng xuất khẩu

Hiện nay, thị trường thiếu hụt nghiêm trọng tài xế xe tải/container, tài công ghe/sà lan vận chuyển gạo hàng hóa từ nhà máy chế biến ra cảng. Người lao động làm hàng tại các cảng xuất khẩu cũng bị giảm rất nhiều.

Tại một số địa phương, tài công ghe thương lái hoặc tài xế lái máy gặt đập liên hợp được

yêu cầu phải có giấy xét nghiệm âm tính với Covid-19, tuy nhiên giấy xác nhận này chỉ có hiệu lực trong vòng 72 giờ, không đủ thời gian để vận chuyển hàng hóa từ các tỉnh/thành phố khu vực ĐBSCL đi các cảng khu vực TP. Hồ Chí Minh.

Hàng loạt các phương tiện vận tải biển phải tạm ngưng hoạt động.

Mặc dù các cơ quan chức năng đã có văn bản chỉ đạo và hướng dẫn đối với các phương tiện chuyên chở hàng hóa liên tỉnh từ đường bộ cho đến thủy nội địa nhưng trên thực tế, các thương nhân phản ánh đường thủy nội địa vẫn chưa được áp dụng, nhất là đối với các phương tiện nhỏ lẻ.

b) Tồn kho hàng hóa, nguồn vốn tín dụng, thị trường xuất khẩu và yếu tố thời tiết

- Tình hình tồn kho của các thương nhân

Tồn kho thóc gạo tại các thương nhân là Hội viên VFA nhìn chung vẫn còn nhiều dù đã đến thời điểm bổ sung tồn kho thường kỳ. Tuy nhiên, do quá trình lưu thông, phân phối hàng hóa bị gián đoạn nên tồn kho chưa được giải phóng, dòng vốn cũng bị ách tắc theo và thương nhân không thể tiếp tục thu mua thóc gạo. Trong khi đó, do giá trị hàng hóa cao nên các thương nhân xuất khẩu gạo hầu hết đều sử dụng đòn bẩy tài chính lớn, các chi phí phát sinh sau Chỉ thị 16 cũng thành một gánh nặng mới.

- Tín dụng

Dù Ngân hàng Nhà nước Việt Nam đã có công văn số 5747/NHNN-TD ngày 10 tháng 8 năm 2021 đề nghị các Ngân hàng thương mại và Ngân hàng Nhà nước chi nhánh các tỉnh, thành phố Khu vực Đồng bằng sông Cửu Long đảm bảo vốn tín dụng phục vụ thu mua, tạm trữ thóc, gạo tại Khu vực Đồng bằng sông Cửu Long nhưng thực tế hiện nay, theo các thương nhân phản ánh, các ngân hàng thương mại vẫn chưa triển khai thực hiện.

- Thị trường xuất khẩu

Hiện nay, hầu như các thương nhân e ngại việc ký kết hợp đồng mới do tình trạng ách tắc trong lưu thông và giao nhận tại các cảng biển. Bên cạnh đó, biên độ chênh lệch giá thời điểm chào bán và giá cước thực tế lúc giao hàng quá lớn khiến các thương nhân và cả khách hàng đều gặp rủi ro lớn.

Tình trạng này nếu tiếp diễn chắc chắn sẽ ảnh hưởng đến kim ngạch ngành và nguy cơ mất thị trường xuất khẩu, nhất là các thị trường truyền thống như Philippines, Trung Quốc, Malaysia vào các đối thủ cạnh tranh khác trong khu vực như Thái Lan, Ấn Độ.

### 3. **Đánh giá**

Những khó khăn nêu trên đã làm cho tình hình tiêu thụ lúa Hè Thu 2021 ở các tỉnh/thành phố khu vực ĐBSCL gặp rất nhiều khó khăn và bị đình trệ trong việc thu hoạch, xử lý sau thu hoạch. Nguy cơ chất lượng gạo sụt giảm mạnh là hoàn toàn thực tế và việc không thể tiêu thụ lúa tươi tại ruộng dẫn đến giá lúa gạo nội địa khu vực đồng bằng sông Cửu Long giảm liên tục trong nhiều tuần qua: Giá bình quân lúa tươi loại thường tại ruộng từ ngày 01/5 là 6.200 đồng/kg, ngày 01/6 là 5.800 đồng/kg, ngày 01/7 là 5.200 đồng/kg và đến ngày 5/8 giảm xuống chỉ còn 4.700 đồng/kg<sup>1</sup>.

Không bán được lúa tươi lại không thể trữ trong dân do điều kiện thời tiết đang mưa nhiều cùng với giá vật tư nông nghiệp đầu vào tăng mạnh trong thời gian qua là những nguyên nhân chính gây tâm lý không thuận trong nông dân và làm dấy lên lo ngại về khả năng người trồng lúa sẽ bỏ ruộng hoặc chậm xuống giống lúa vụ 3, tác động xấu đến các vụ mùa sau và trên hết là đưa đến nguy cơ thiếu hụt lương thực lúc giáp hạt vụ Đông Xuân 2021/22 - thời điểm cận Tết.

Ngày 10/8/2021, Công ty Đại lý Giao nhận vận tải xếp dỡ Tân Cảng (Tổng công ty Tân cảng Sài Gòn) đã có văn bản số 108/TB-TCL-KHKD thông báo về kế hoạch tiếp nhận lại dịch vụ đóng rút gạo tại Bến 125-Cảng Cát Lái từ ngày 16/8/2021 với quy mô 2 băng chuyên kép (năng suất 70 container/ngày) và phụ thu thêm 450 nghìn đồng/container. Việc mở lại đóng rút gạo tại Bến 125 - Cảng Cát Lái đã hỗ trợ cho thương nhân xuất khẩu gạo trong khâu xuất khẩu nhưng việc tiếp nhận chỉ với quy mô 2 băng chuyên và phụ thu vẫn tạo thêm chi phí tài chính, thời gian đối với gạo xuất khẩu.

Ngày 12/8/2021, Bộ Y tế có văn bản số 6565/BYT-MT gửi Ủy ban nhân dân các tỉnh/thành phố về việc phòng chống dịch COVID-19 tại cơ sở lao động sản xuất kinh doanh. Trong đó các địa phương, doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh, khu công nghiệp chủ động triển khai các biện pháp phòng, chống dịch đảm bảo sản xuất kinh doanh. Ủy ban nhân dân các tỉnh/thành phố căn cứ hướng dẫn của Ban Chỉ đạo Quốc gia, Bộ Y tế và dựa trên đánh giá tình hình thực tế tại địa phương để hướng dẫn các đơn vị xây dựng kế hoạch và phương án phòng, chống dịch phù hợp, hiệu quả. Việc triển khai theo chỉ đạo của Bộ Y tế tại văn bản số 6565/BYT-MT có thể giúp địa phương có sự linh hoạt hơn trong công tác tổ chức phòng, chống dịch nhưng việc tổ chức tiêu thụ thóc,

gạo trong chuỗi giá trị tại khu vực ĐBSCL cần có sự thống nhất liên tỉnh, tránh việc gián đoạn chuỗi do sự khác biệt trong triển khai giữa các địa phương.

### 4. **Kiến nghị**

Để đảm bảo tiêu thụ kịp thời thóc, gạo hàng hóa cho người nông dân, trên cơ sở thông tin, đề xuất được trao đổi tại cuộc họp, Bộ Công Thương báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét, giao các Bộ, ngành, địa phương liên quan triển khai một số nhóm giải pháp như sau:

#### a) Nhóm giải pháp cấp bách

- Khẩn trương nghiên cứu, mở luồng xanh cho vận tải đường thủy

Với đặc thù địa hình kênh rạch chằng chịt, đa phần các nhà máy sản xuất, chế biến lúa gạo cập bờ sông/bờ kênh, thóc, gạo sản xuất ở vùng ĐBSCL được vận chuyển 95% bằng đường thủy. Do đó, việc khơi thông dòng chảy phương tiện chuyên chở sẽ góp phần đáng kể giúp các thương nhân xuất khẩu gạo duy trì được chuỗi cung ứng lúa gạo hàng hóa từ đồng ruộng ra đến cảng xuất khẩu.

#### **Trên cơ sở đó, Bộ Công Thương kiến nghị Thủ tướng Chính phủ xem xét, giao:**

+ **Bộ Giao thông vận tải chủ trì, phối hợp với Bộ Y tế và các Bộ ngành, địa phương** liên quan sớm xây dựng và báo cáo phương án “luồng xanh” cho vận tải đường thủy, đảm bảo yêu cầu về phòng chống dịch Covid-19 nhưng giải tỏa được ách tắc hiện nay.

+ **UBND các tỉnh/thành phố khu vực ĐBSCL** khẩn trương chỉ đạo các cấp tạo điều kiện thuận lợi nhất có thể cho các thương nhân hoạt động trong lĩnh vực thóc, gạo nói chung và thương lái nói riêng được đi lại thu mua trực tiếp tại đồng; trao đổi và thống nhất với Bộ Y tế, Bộ Giao thông vận tải xem xét, áp dụng linh hoạt các phương án:

Phương án 1: Chấp nhận các xét nghiệm nhanh tại ấp/xã, đăng ký thông tin, lịch trình di chuyển với cơ quan quản lý nhà nước tại ấp/xã, v.v... và áp dụng tương tự đối với lực lượng bốc xếp thóc xuống/lên ghe. Đặc biệt xem xét ưu tiên phân luồng xanh (xét nghiệm nhanh tại chốt kiểm dịch trên sông) cho các phương tiện vận chuyển lúa tươi từ đồng ruộng về hệ thống nhà máy sấy vệ tinh trong khu vực gần nhất (cùng xã/huyện) để đảm bảo chất lượng thóc tồn trữ đạt yêu cầu. Riêng khâu vận chuyển thóc/gạo giữa các nhà máy không đặt trong cùng một tỉnh hay từ nhà máy ra các cảng xuất khẩu/khu vực tiêu thụ nội địa đang có nhu cầu

1 Mức giá này cao hơn 26,07% so với mức **giá thành sản xuất bình quân thóc vụ Hè Thu năm 2021 là 3.728 đồng/kg do Bộ Tài chính công bố tại văn bản số 6519/BTC-QLG ngày 17/6/2021.**



nhiều: Chốt kiểm dịch trên các sông lớn tại các nơi giáp ranh cần bố trí cơ sở xét nghiệm đi kèm trong phạm vi gần nhất để đáp ứng nhu cầu xét nghiệm cho tài công trong vận chuyển liên tỉnh thời gian dài.

Phương án 2: Trường hợp thương nhân đồng ý hỗ trợ cung cấp các bộ kit xét nghiệm nhanh cho các chốt trên sông, khi ghe/sà lan của các thương nhân di chuyển qua, đề nghị nhân viên chịu trách nhiệm trực chốt tiến hành xét nghiệm nhanh và đóng dấu thông hành cho các phương tiện tranh thủ di chuyển tiếp. Đối với phương án này, đề nghị các cấp lãnh đạo địa phương chỉ đạo linh hoạt: (i) Chỉ yêu cầu giấy xác nhận âm tính với Covid-19 (PCR) khi phương tiện rời bến/bờ (điểm đầu) và suốt qua trình di chuyển trên sông được phép sử dụng giấy xác nhận xét nghiệm nhanh tại các chốt để qua chốt kế tiếp cũng như cập bến/bờ (điểm cuối) của lộ trình; (ii) Gửi nhân sự trực chốt đến tập huấn nhanh tại các cơ quan y tế có chức năng gần nhất để đáp ứng nhu cầu công tác.

- Tạo điều kiện thuận lợi cho việc tiếp cận nguồn vốn thu mua thóc, gạo hàng hóa

**Ngân hàng Nhà nước Việt Nam** xem xét, chỉ đạo các Ngân hàng thương mại (i) có hỗ trợ nhất định về lãi suất cho các doanh nghiệp; và (ii) tạo điều kiện cho các doanh nghiệp được thế chấp vay vốn bằng chính sản phẩm sẽ thu mua như kiến nghị của Bộ Công Thương tại văn bản số 4889/BCT-XNK ngày 12/8/2021 về tạo điều kiện thuận lợi cho việc tiếp cận nguồn vốn thu mua thóc, gạo hàng hóa.

b) Nhóm giải pháp đồng bộ khác

- **Giao Bộ Giao thông vận tải chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành liên quan làm việc với** Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn để sớm mở lại tất cả các máng đóng rút gạo trong thời gian sớm nhất nhằm giảm bớt tình trạng ùn tắc container xuất khẩu gạo và cân nhắc về phí phụ thu để tạo thuận lợi cho xuất khẩu trong bối cảnh dịch Covid-19 do bến này là một trong những bến chính chuyên đóng hàng gạo bằng container.

- Giao Bộ Giao thông vận tải phối hợp Bộ Công Thương tiếp tục theo dõi, làm việc và yêu cầu các hãng tàu, các doanh nghiệp kinh doanh ngành logistic phải công khai, minh bạch về giá cước vận chuyển container cũng như có sự điều chỉnh giá cước vận chuyển về mức hợp lý để tạo điều kiện cho hoạt động xuất nhập khẩu của các doanh nghiệp được thuận lợi hơn trong bối cảnh dịch Covid-19 như hiện nay.

- **Giao Bộ Y tế chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành, địa phương liên quan nghiên cứu, thống nhất việc áp dụng** biện pháp xét nghiệm Covid-19 đầu vào, sau đó giao cho thương nhân có kế hoạch tự quản lý đội ngũ lao động và tự chịu trách nhiệm trước pháp luật.

- **Giao Bộ Y tế chủ trì, phối hợp với UBND các địa phương** xem xét ưu tiên và khẩn trương triển khai việc tiêm vắc-xin cho những thành phần lao động bắt buộc phải tham gia trực tiếp trên hiện trường - trong chuỗi cung ứng lúa gạo nói riêng và lương thực nói chung như tài xế, tài công, người đi thu mua, nhân viên nhà máy, nhân viên xuất nhập khẩu, nhân viên điều phối hiện trường...

## BỘ CÔNG THƯƠNG PHÊ DUYỆT

# DANH SÁCH “DOANH NGHIỆP XUẤT KHẨU UY TÍN” NĂM 2020



Thực hiện văn bản số 1271/BCT-XNK ngày 10 tháng 3 năm 2021 của Bộ Công Thương về việc xét chọn Doanh nghiệp xuất khẩu uy tín năm 2020, Bộ Công Thương đã phối hợp với các Bộ, ngành, Hiệp hội ngành hàng, Sở Công Thương tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các cơ quan hữu quan lựa chọn, tổng hợp và đăng tải Danh sách sơ tuyển “Doanh nghiệp xuất khẩu uy tín” năm 2020 trên Cổng Thông tin điện tử của Bộ Công Thương để tham khảo ý kiến công luận.

Danh sách Doanh nghiệp xuất khẩu uy tín được tổng hợp và công bố trên cơ sở xét chọn và đề xuất của các cơ quan hữu quan, được xét chọn trên cơ sở các tiêu chí do Bộ Công Thương quy định về mức kim ngạch xuất khẩu tối thiểu, về uy tín trong kinh doanh đối với bạn hàng nước ngoài, về việc chấp hành nghĩa vụ đối với Nhà nước trong lĩnh vực hải quan, lĩnh vực thuế, lĩnh vực môi trường, v.v... Đây là một hoạt động hết sức cần thiết nhằm hỗ trợ các doanh nghiệp Việt Nam đẩy mạnh xuất khẩu và mở rộng thị trường, đặc biệt là khi Việt Nam đã tham gia vào một loạt các Hiệp định thương mại tự do song phương và đa phương.

Sau một thời gian đăng tải Danh sách sơ tuyển, tiếp thu các ý kiến phản hồi, ngày 18 tháng 8 năm 2021, Bộ Công Thương đã ban hành Quyết định số 1974/QĐ-BCT phê duyệt Danh sách “Doanh nghiệp xuất khẩu uy tín” năm 2020. Trên cơ sở đề xuất của 60 cơ quan,

tổ chức xét chọn (bao gồm các Bộ, ngành, Hiệp hội ngành hàng, Sở Công Thương tỉnh, thành phố), Bộ Công Thương đã xét chọn được 315 doanh nghiệp (tương đương với 323 lượt doanh nghiệp theo 26 ngành hàng). Hiện nay, Quyết định số 1974/QĐ-BCT ngày 18 tháng 8 năm 2021 và Danh sách chính thức “Doanh nghiệp xuất khẩu uy tín” năm 2020 đang được đăng tải trên Cổng Thông tin điện tử của Bộ Công Thương ([www.moit.gov.vn](http://www.moit.gov.vn)), trang thông tin điện tử của một số cơ quan hữu quan và trong file đính kèm bản tin số này.

Bộ Công Thương hy vọng các doanh nghiệp xuất khẩu uy tín Việt Nam sẽ tiếp tục nỗ lực, phát huy thành tích trong thời gian tới để khẳng định vị trí của mình trong cộng đồng doanh nghiệp thế giới.

Bộ Công Thương thông báo để các Bộ, ngành, Sở Công Thương địa phương, Hiệp hội ngành hàng và doanh nghiệp biết.

**Lưu ý:**

Thông tin sử dụng trong bản tin được thu thập từ những nguồn mà chúng tôi cho là đáng tin cậy. Thông tin trong bản tin chỉ mang tính tham khảo, các ước tính, dự báo có giá trị đến ngày ra báo cáo và có thể thay đổi bởi những biến động thị trường.

Rất mong nhận được sự phản hồi, trao đổi thông tin và đóng góp ý kiến của độc giả để Bản tin ngày càng chất lượng hơn.